



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tuần 45 (từ 7/11 - 11/11/2016)

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN
NÔNG LÂM THỦY SẢN
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: thuongmai.cb@mard.gov.vn

Website: chebien.mard.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: trangtin@mard.gov.vn

Website: www.mard.gov.vn



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

TÌNH HÌNH CHUNG

Tuần qua, cuộc bầu cử tổng thống Mỹ - một trong những sự kiện được trông đợi nhất năm 2016 - đã khép lại với phần thắng thuộc về Ông Donald Trump. Có thể nói, chiến thắng của ông Trump đã tác động mạnh lên thị trường toàn cầu.

Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu Thái Lan dao động quanh mức thấp 13 tháng trong suốt tuần qua, nhờ đó mà thu hút nhiều khách hàng hơn đến từ châu Phi và khiến thị trường gạo Việt Nam ế ẩm.

Giá cà phê thế giới giảm do các quỹ đầu cơ bán ra chốt lời sau một thời gian dài giá cà phê tăng mạnh. Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 12/2016 tuần này giảm mạnh do nguồn cung dồi dào, lượng bán ra tăng.

Giá đường tăng do mưa đang làm cản trở tiến độ nghiền mía tại khu vực Trung Nam Brazil - quốc gia sản xuất đường hàng đầu thế giới. Giá chè Bangladesh tiếp tục giảm do khối lượng chào bán tăng lên mức cao nhất kể từ đầu vụ, nhưng nhu cầu cao đối với chè chất lượng đã ngăn cản giá giảm sâu hơn.

Thị trường Ure thế giới biến động tăng trong tuần qua do nhu cầu tăng mạnh. Ấn Độ dự kiến sẽ có một đơn hàng mua Ure trong khi các nhà sản xuất Ure lớn trên thế giới như Trung Quốc có xu hướng tiếp tục giữ giá, cắt giảm sản lượng, tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và hạn chế xuất khẩu.

Thị trường trong nước: Tình hình xuất khẩu gạo chưa có dấu hiệu khởi sắc khiến thị trường lúa, gạo trong nước tiếp tục ảm đạm.

Giá mùn cao su dạng nước tại Bình Phước tăng do một số nước sản xuất cao su thiên nhiên lớn đã giảm sản lượng khai thác vì giá mùn thời gian qua quá rẻ, cùng với đó, mặt hàng cao su thiên nhiên đã ổn định được thị trường xuất khẩu, nhất là Trung Quốc vì nhu cầu sản xuất săm lốp ô tô của thị trường này đang đà tăng nhẹ.

Giá lợn hơi tại Đồng Nai tăng do phía Trung Quốc nhập lợn trở lại. Giá tôm nguyên liệu tuần này tiếp tục tăng do nguồn cung ít và nhu cầu thu mua của các nhà máy chế biến xuất khẩu cao.

Giá hạt điều khô tại khu vực Đông Nam Bộ ở mức cao, một phần do thị trường Ấn Độ hiện nay không có sẵn một lượng hàng lớn. Thêm vào đó, diện tích trồng điều ở khu vực Đông Nam bộ đang giảm vì nhiều nông dân có xu hướng chặt bỏ, chuyển sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

LÚA GẠO



Thị trường thế giới: Giá gạo xuất khẩu Thái Lan dao động quanh mức thấp 13 tháng trong suốt tuần qua, nhờ đó mà thu hút nhiều khách hàng hơn đến từ châu Phi và khiến thị trường gạo Việt Nam ế ẩm.

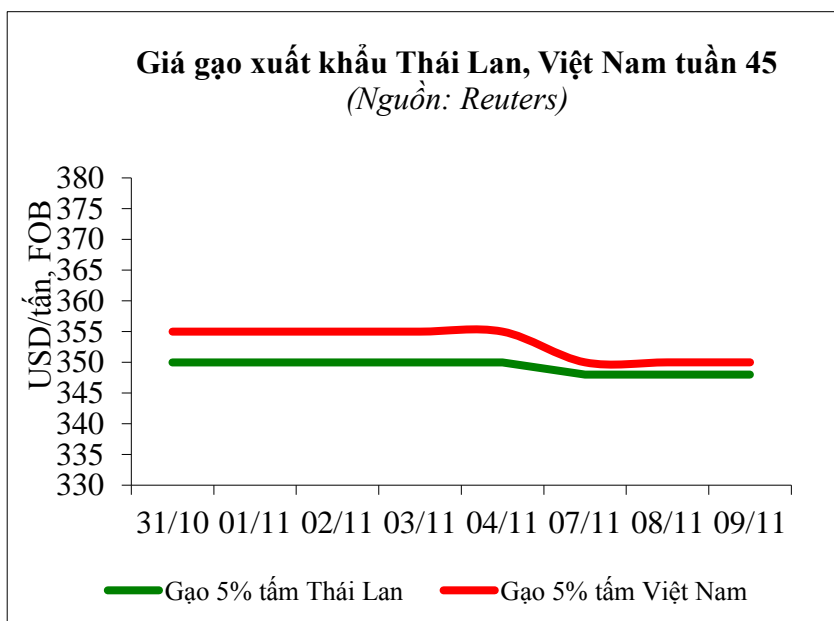
Gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan thu hẹp xuống mức 345 – 348 USD/tấn (FOB Băng Cốc), so với 345 – 350 USD/tấn tuần trước khi chạm mức thấp nhất trong 13 tháng qua. Thương nhân gạo Thái Lan cho biết giá gạo sẽ ổn định ở mức này do người bán miễn cưỡng bán ra trong bối cảnh Chính phủ bắt đầu can thiệp thị trường gạo. Mùa mưa cũng có tác động đáng kể đến giá gạo Thái Lan.

Sự giảm giá gạo Thái Lan làm gia tăng lo ngại của các nhà xuất khẩu gạo Việt Nam, với giá gạo 5% tấm của Việt Nam tuần qua ở mức 350 USD/tấn, giảm so với 350 – 355 USD/tấn tuần trước. Khó khăn hiện nay đối với các nhà xuất khẩu gạo Việt Nam là giá gạo Thái Lan đang giảm và có thể hút khách từ châu Phi, trong khi Việt Nam không thể làm gì bởi các doanh nghiệp đã mua vào với giá cao. Từ tuần trước, khách hàng đã chuyển sang mua gạo của Thái Lan và Pa-kis-tan. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu gạo Việt Nam sẽ phải giải phóng kho nhanh chóng để lấy chỗ cho vụ thu hoạch sắp tới.

Theo Công ty Nghiên cứu BMI, về triển vọng thị trường gạo thế giới, vụ lúa tại Mỹ được mùa, nguồn cung dồi dào và triển vọng vụ mùa 2016/17 ở Nam Mỹ thuận lợi sẽ cản trở giá gạo tăng mạnh.

Theo hãng tin Reuters, Ủy ban Quản lý Gạo Thái Lan thông báo sẽ cấp các khoản vay với tổng trị giá 45,3 tỉ baht (1,29 tỉ USD) cho 2 triệu hộ nông dân để cải thiện giá gạo thơm Jasmine. Điều kiện cho vay là nông dân phải trữ gạo trong 6 tháng nhằm giảm nguồn cung ra thị trường. Trong mấy năm qua, giá gạo thơm Jasmine giảm liên tục do cung vượt quá cầu.

Thái Lan đang bước vào mùa gặt và nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới dự đoán sẽ thu khoảng 25 triệu tấn cho vụ 2016/2017. Bộ trưởng Thương mại Apiradee Tantraporn cho biết khoản vay nói trên sẽ được cấp phát thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác nông nghiệp (BAAC) nhằm cắt giảm nguồn cung quá mức của gạo thơm Jasmine và bình ổn giá. Gạo thơm Jasmine là sản phẩm chủ lực của ngành gạo Thái Lan.

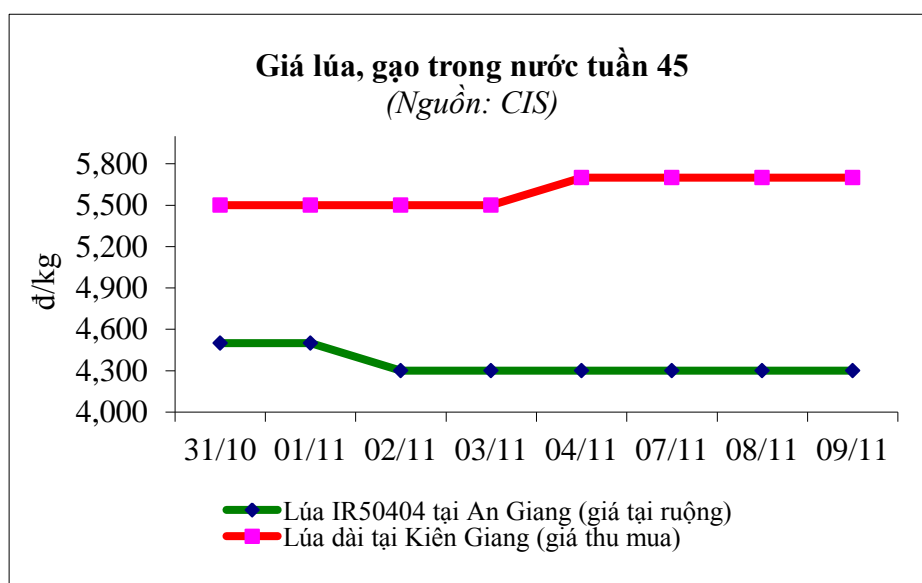


LÚA GẠO



Thị trường trong nước: Tình hình xuất khẩu gạo chưa có dấu hiệu khởi sắc khiến thị trường lúa, gạo trong nước tiếp tục ảm đạm. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua diễn biến trái chiều, tăng giảm không đồng nhất tùy từng vùng. Cụ thể: tại An Giang, lúa IR50404 giảm 200 đ/kg, từ 4.500 đ/kg xuống còn 4.300 đ/kg; lúa chất lượng cao OM 2514, OM 1490 ổn định ở mức 4.700 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá thu mua lúa của Công ty Lương thực tỉnh không đổi so với tuần trước, chủng loại OM 5451 ở mức 5.600 đ/kg (lúa khô); chủng loại OM 4900 ở mức 5.700 đ/kg (lúa khô). Tại Kiên Giang, giá lúa tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu thụ tăng trở lại, với lúa tẻ thường tăng mạnh 700 đ/kg, từ 4.400 đ/kg lên 5.100 đ/kg; lúa dài tăng 200 đ/kg, từ 5.500 đ/kg lên 5.700 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa khô IR50404 không đổi ở mức 5.000 đ/kg.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), kết quả giao hàng từ ngày 01/09 đến ngày 31/10/2016 đạt 386.070 tấn, trị giá FOB 167,808 triệu USD, trị giá CIF 172,450 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu gạo đến từ ngày 01/01 đến ngày 31/10/2016 đạt 4,117 triệu tấn, trị giá FOB 1,783 tỷ USD, trị giá CIF 1,836 tỷ USD.



Không chỉ là thị trường nhập khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam, Trung Quốc còn là thị trường dẫn đầu về nhập khẩu gạo nếp khi có đến trên 92% lượng gạo nếp xuất khẩu của Việt Nam được bán vào quốc gia này trong 9 tháng đầu năm. Theo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, trong 9 tháng đầu năm, tổng khối lượng gạo nếp xuất khẩu của Việt Nam đạt trên 761.000 tấn, trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc là trên 701.000 tấn, chiếm trên 92% tổng khối lượng xuất khẩu của Việt Nam trong khoảng thời gian này.

Trong 9 tháng đầu năm, tổng khối lượng gạo các loại (bao gồm cả gạo nếp) Trung Quốc nhập từ Việt Nam đạt xấp xỉ 1,4 triệu tấn, trong đó, gạo nếp chiếm khoảng 50%, gạo thom chiếm khoảng 13% và còn lại là các loại gạo khác như gạo giống Nhật, gạo 5%, 10%, 15% tằm... Riêng trong tháng 9/2016, tổng khối lượng xuất khẩu gạo nếp của Việt Nam đạt trên 156.000 tấn, trong đó, xuất sang Trung Quốc chiếm đến trên 146.000 tấn.

LÚA GẠO



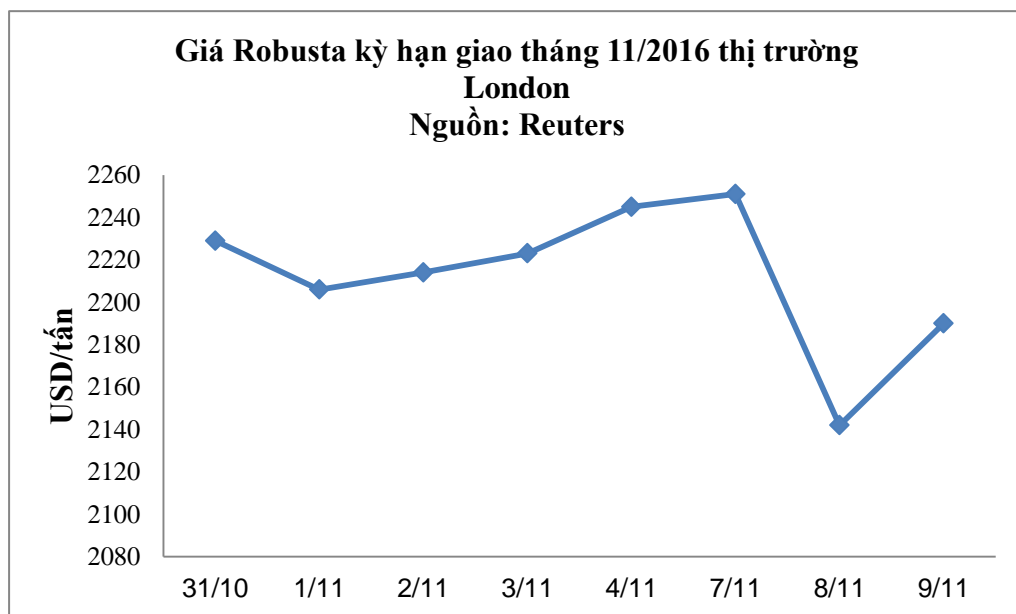
Việc thị trường Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu gạo nếp từ Việt Nam đã khiến giá lúa nếp tại ĐBSCL luôn ở mức cao, khoảng 5.700 - 5.800 đ/kg đối với nếp tươi thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp và nông dân một số địa phương trong vùng như Long An, Đồng Tháp cũng đẩy mạnh chuyển từ sản xuất lúa sang trồng nếp. Bà con nông dân huyện Tân Thành, tỉnh Long An, cho biết vụ nếp đông xuân 2016-2017 tuy chỉ mới xuống giống được khoảng 30 ngày, nhưng đã có không ít doanh nghiệp đến bỏ cọc (5-7 triệu đồng/héc ta) bao tiêu với giá thấp nhất là 5.300 đồng/kg (nếp tươi). Tuy nhiên, do việc tiêu thụ gạo nếp phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thị trường Trung Quốc nên yếu tố rủi ro trong việc mua bán là rất cao.

NLA

CÀ PHÊ



Thị trường thế giới: Thị trường cà phê thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao ngay tháng 11/2016 giảm 55 USD/tấn xuống còn 2.190 USD/tấn. Giá cà phê Arabica giao tháng 12/2016 giảm 1,25 UScent/lb xuống mức 170,1 UScent/lb. Giá cà phê giảm do các quỹ đầu cơ bán ra chốt lời sau một thời gian dài giá cà phê tăng mạnh.



Xuất khẩu cà phê của Colombia bật tăng trong tháng 10/2016, do cuộc đình công của các lái xe tải kết thúc đã giải phóng các lô hàng cà phê bị kẹt trong cuộc đình công, và các biện pháp của chính phủ nhằm nới lỏng hạn chế mua từ nông dân đã thúc đẩy thị trường. Theo dữ liệu từ Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia, xuất khẩu cà phê tháng 10 của Colombia, nước sản xuất cà phê Arabica lớn thứ 2 thế giới, tăng 6,4% lên 1,2 triệu bao. Đây là lượng xuất khẩu cao nhất trong vòng 10 tháng và là lượng cà phê xuất khẩu tháng 10 cao kỷ lục do nhu cầu đối với cà phê Colombia sau đợt đình công tăng cao.

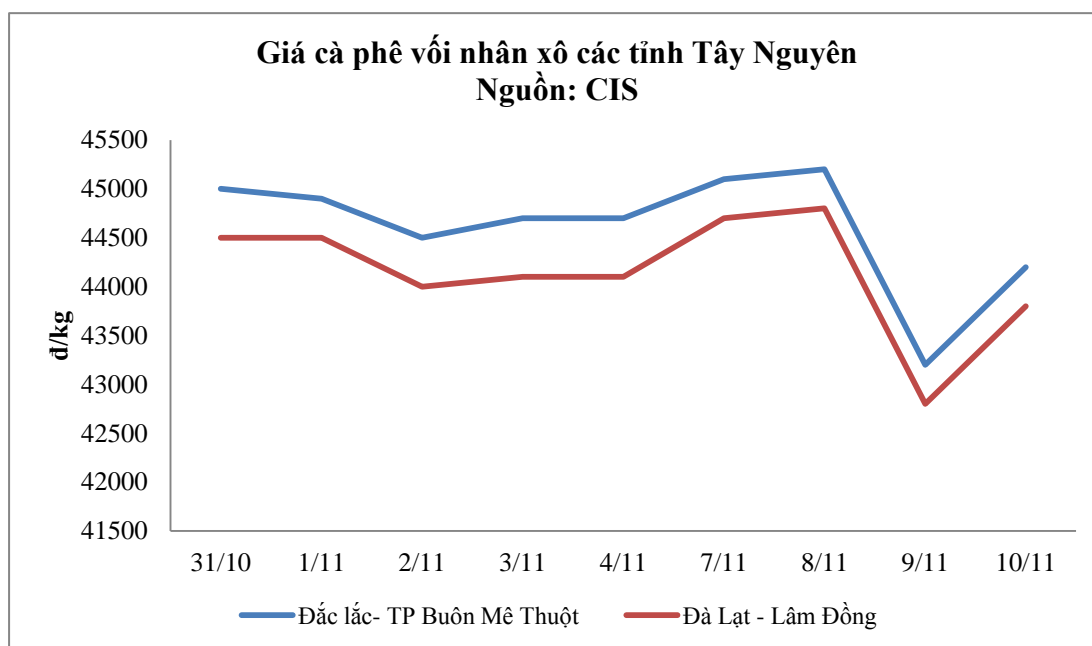
Trong 45 ngày đình công của các lái xe tải, xuất khẩu cà phê của Colombia giảm mạnh do vận chuyển đình trệ, tình trạng kẹt cứng tại các cảng và hoạt động chế biến nói chung chậm lại. Trong tháng 9/2016, xuất khẩu cà phê của Colombia giảm 17% so với tháng 8 và tạo ra những kho dự trữ lớn. Giai đoạn tháng 10 – 12 thường là thời gian xuất khẩu cà phê cao điểm của Colombia. Các kho dự trữ cà phê được lấp đầy sau vụ đình công sẽ giúp tăng mạnh xuất khẩu cà phê của Colombia trong những tháng cuối năm.

Mưa dự kiến sẽ bắt đầu tại Brazil vào đầu tuần tới và một diện tích lớn Arabica đang vào vụ ra hoa thứ 2 trên tổng số 3 vụ ra hoa, sau khi hoàn thành đợt ra hoa đầu tiên vào đầu tháng 10. Mưa sớm trên diện rộng cho phép các nhà sản xuất nông sản nước này bắt đầu vụ sản xuất sớm và thu hoạch sớm vào tháng 1.

CÀ PHÊ



Thị trường trong nước: Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 300 – 500 đ/kg xuống còn 43.800 – 44.200 đ/kg. Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giảm 23 USD/tấn xuống còn 2.013 USD/tấn.



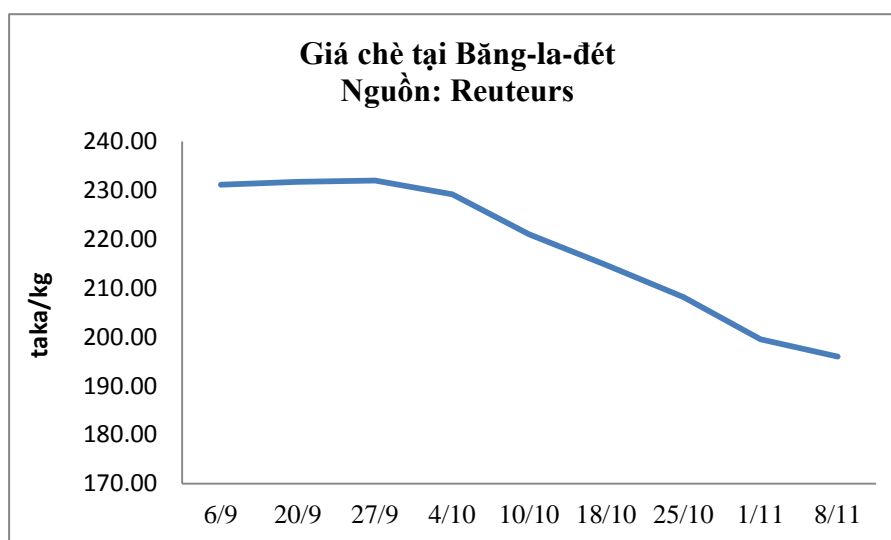
Mưa lớn được dự đoán tiếp tục diễn ra tại các tỉnh sản xuất cà phê lớn nhất Việt Nam trong những ngày tới, có khả năng tiếp tục làm gián đoạn hoạt động thu hoạch cà phê niên vụ 2016/17. Thị trường ngày càng lo ngại về tình hình nguồn cung từ nước sản xuất Robusta số 1 thế giới, khi mưa đã gây thiệt hại cho thu hoạch những ngày qua, trong khi hạn hán trước đó cũng làm giảm sản lượng.

Giá cà phê Robusta, thường dùng làm cà phê hòa tan, duy trì ở mức cao trên thị trường do tin về mưa tại Việt Nam. Những ngày vừa qua, lượng mưa tại các tỉnh Đăk Lăk và Lâm Đồng, các tỉnh trồng cà phê lớn nhất Việt Nam ở mức cao. Lụt cũng dâng lên tại một số khu vực của tỉnh Đăk Lăk. Tây Nguyên sản xuất khoảng 80% tổng sản lượng cà phê Việt Nam. Cây cà phê được trồng tại các đồi cao nên thường an toàn trước lụt, nhưng mưa làm trì hoãn hoạt động thu hoạch và ảnh hưởng đến việc sấy cà phê.

Giá cà phê Việt Nam ổn định và thời tiết được dự đoán thuận lợi hơn trong thời gian tới sau đợt mưa tuần trước có thể giúp tăng tốc vụ thu hoạch cà phê tại Việt Nam. Vành đai cà phê Tây Nguyên tại Việt Nam đã bắt đầu thu hoạch sớm trong tháng 10/2016 nhưng giai đoạn thu hoạch chính dự kiến bắt đầu từ giữa tháng 11/2016.



Thị trường thế giới: Giá chè Bangladesh tiếp tục giảm khoảng 1,8% trong phiên đấu giá tuần này vào hôm 8/11 do khối lượng chào bán tăng lên mức cao nhất kể từ đầu vụ, nhưng nhu cầu cao đối với chè chất lượng đã kìm hãm giá giảm sâu hơn. Giá chè Bangladesh giao dịch trung bình ở mức 195,94 taka/kg (tương đương 2,5 USD/kg), so với 199,49 taka/kg trong phiên đấu giá trước (1/11). Khoảng 2.370 tấn chè được chào bán tại trung tâm đấu giá Chittagong tuần này, trong đó có khoảng 2,79% lượng chè không giao dịch thành công. Trong phiên đấu giá trước, khoảng 29% lượng chè đấu giá không thành công trong tổng số 2.360 tấn chào bán.



Tại Ấn Độ, sự suy giảm về nguồn cung, cùng với công bố hạn hán ở Kerala, có khả năng đẩy giá chè tăng lên tại các cuộc đấu giá ở Kochi trong vài tuần tới. Lượng hàng đưa ra giảm tại các phiên đấu giá hơn hai tuần qua do sản lượng thấp ở một số trung tâm sản xuất. Bên cạnh đó, động thái tăng 10-15% giá chè đóng gói của các nhà chế biến sẽ thúc đẩy giá tăng hơn nữa. Cung thấp cũng có thể buộc các nhà xuất khẩu mua với giá cao hơn trong những ngày tới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở nước ngoài. Trong khi đó, giá chè bụi CTC đóng cửa giảm trong các phiên đấu giá tuần này, với mức mở cửa thị trường thấp hơn 1-3 Rs/kg trong phiên bán số 44. Giá chè loại chất lượng tốt đạt 105-150 Rs/kg, loại trung bình đạt 96-122 Rs/kg. Tuy nhiên, tất cả các chủng loại chè orthodox vẫn vững giá ở mức cao mặc dù mặc dù lượng cung thấp, chỉ 7.500 kg. Các nhà xuất khẩu và người mua trong nước do hấp thụ một số lượng lớn hàng.

Sản xuất chè tại Kenya, nước xuất khẩu chè lớn nhất thế giới, có thể không đạt mục tiêu tăng 25% sản lượng trong năm nay do hạn hán kéo dài gây thiệt hại cho sản xuất chè. Hiện tượng La Nina gây khô hạn tại vùng đông Phi, đang thay thế hiện tượng El – Nino gây mưa đã mang tới những cơn mưa lớn từ tháng 10 – 12 và thúc đẩy sản lượng chè tại vùng đồng bằng trung tâm và Rift tăng hơn 30% trong 8 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm ngoái.



Theo ông Johnson Irungu, người đứng đầu lĩnh vực trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp Kenya cho biết, La Nina có thể làm giảm lượng mưa trong 3 tháng cuối năm 2016 và làm lá trà khô rụng. Sản lượng giảm sau đợt thu hoạch bội thu trong quý 1, và sản lượng cả năm có thể thấp hơn mục tiêu của chính phủ khoảng 500.000 tấn.

Hạn hán tại nền kinh tế lớn nhất đông Phi này phụ thuộc vào xuất khẩu chè là nguồn thu ngoại tệ lớn nhất sau kiều hối, nghĩa là 1,3 triệu người tại gần một nửa 47 tỉnh lỵ của Kenya đang đối diện với bất ổn lương thực. Mặc dù nông dân sử dụng hệ thống thủy lợi trong mùa khô, các đập và các nguồn nước khác đang cạn khô, khiến nông dân quy mô nhỏ lo lắng. Nông dân quy mô nhỏ chiếm 60% tổng sản lượng chè Thái Lan.

Kenya là nước trồng chè lớn thứ 3 thế giới, sau Trung Quốc và Ấn Độ, xuất khẩu 95% sản lượng chè thu hoạch được, và là nước xuất khẩu chè lớn nhất thế giới. Năm 2015, quốc gia đông Phi này sản xuất 399.500 tấn chè và giá trị xuất khẩu đạt 1,24 tỷ USD. Trong 8 tháng đầu năm 2016, nước này thu hoạch được 308.100 tấn chè.

Giá chè trung bình tại châu Phi đã giảm 16% trong năm nay xuống còn 2,29 USD/kg trong phiên đấu giá tuần mới nhất tại Mombasa.

Đợt đình công kéo dài hai tuần của những người thu hái chè vào cuối tháng 6 cũng làm giảm sản lượng chè năm 2016, theo Hiệp hội các nhà giao dịch chè miền đông Phi cho biết. Công nhân yêu cầu được tăng lương 30% nhưng chưa có thỏa thuận dài hạn nào được đưa ra.

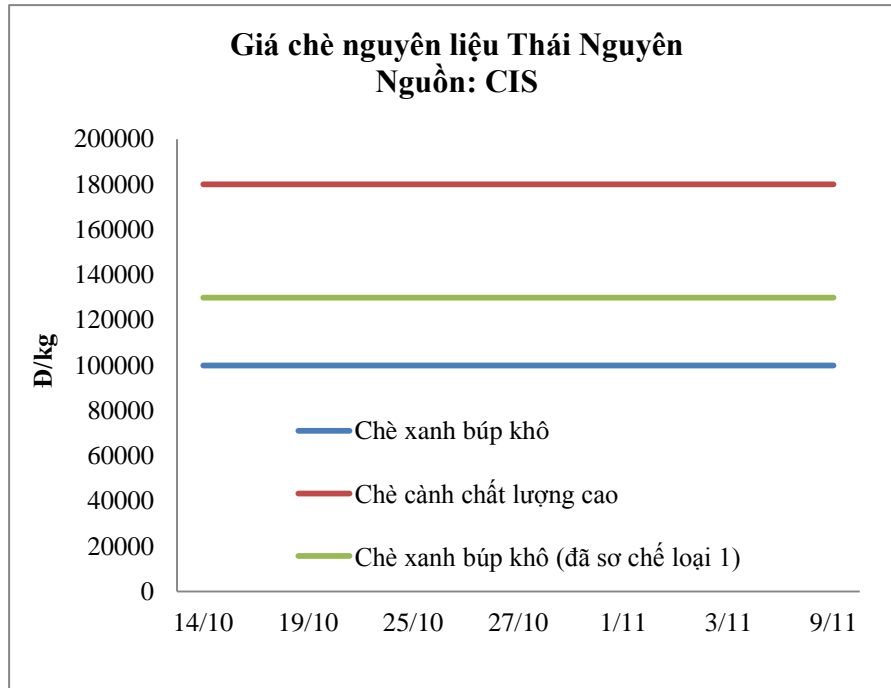
Thị trường trong nước: Tại Thái Nguyên, giá chè nguyên liệu tuần này không đổi so với tuần trước. Cụ thể, chè xanh búp khô hiện ở mức 100.000 đ/kg, chè cành chất lượng cao 180.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 130.000 đ/kg, chè búp tươi sản xuất chè xanh (loại 1) 13.000 đ/kg.

Năm nay, sản lượng chè búp tươi của Thái Nguyên ước đạt 210.000 tấn, tăng 3,7% so với sản lượng năm 2015 và bằng 104,9% kế hoạch cả năm.

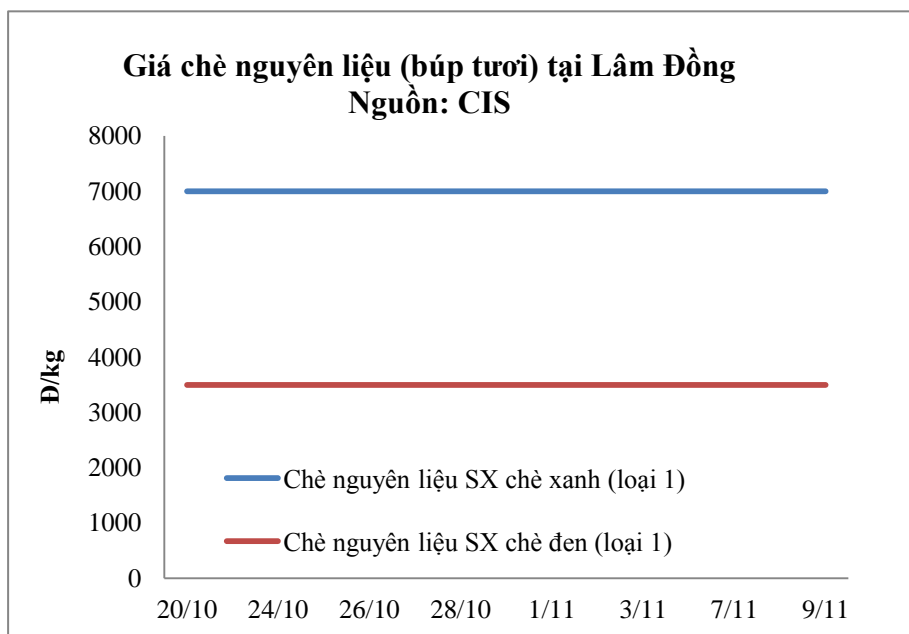
Nguyên nhân khiến cho sản lượng chè búp tươi tăng là do năm nay, diện tích chè cho sản phẩm trên địa bàn tỉnh tăng hơn 3% so với năm ngoái (hiện toàn tỉnh có gần 18,8 nghìn ha chè kinh doanh). Theo đó, năng suất chè bình quân chung toàn tỉnh cũng tăng gần 0,8 tạ/ha (ước đạt gần 112 tạ/ha) so với năm 2015.

Cùng với đó, diện tích chè toàn tỉnh cũng tăng 3,4% so với năm trước. Hiện nay, toàn tỉnh có hơn 21,3 nghìn ha chè. Theo đó, diện tích chè trồng mới, trồng lại của tỉnh năm 2016 đạt trên 1.200ha (trồng mới trên 220ha, trồng lại hơn 1.000ha).

CHÈ



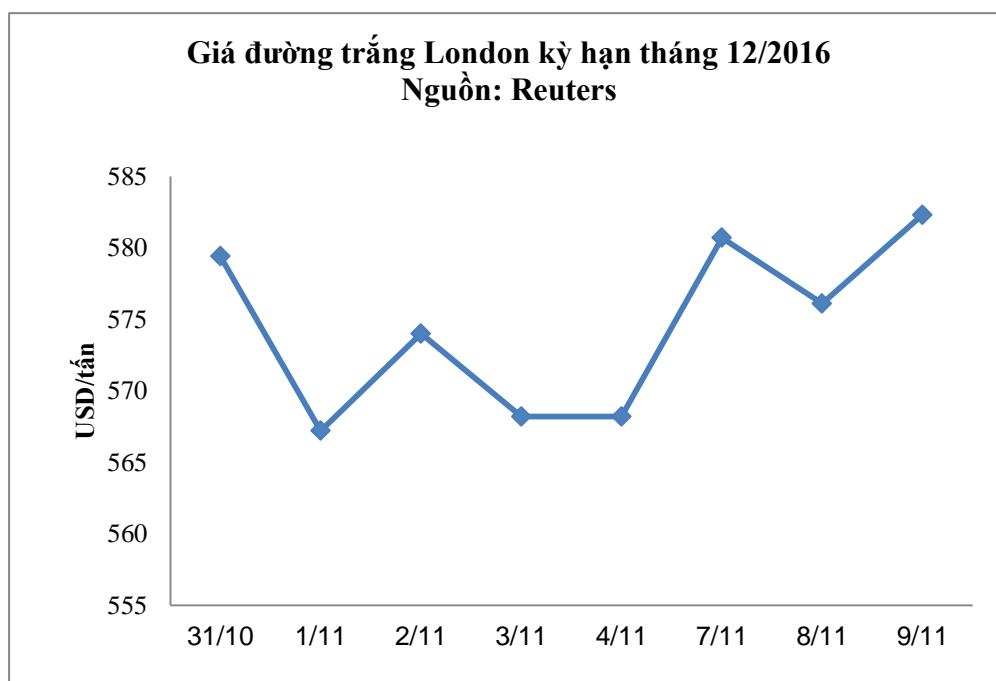
Tương tự Tại Bảo Lộc, Lâm Đồng, giá chè nguyên liệu tuần này ổn định. Cụ thể, giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ mức 7.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 3.500 đ/kg.



MÍA ĐƯỜNG



Thị trường thế giới: Thị trường đường thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 12/2016 tăng 14,1 USD/tấn lên 582,3 USD/tấn. Giá đường tăng do mưa đang làm cản trở tiến độ nghiền mía tại khu vực Trung Nam Brazil – quốc gia sản xuất đường hàng đầu thế giới.



Theo Cục Mía đường Thái Lan, tình trạng hạn hán vừa qua đã khiến sản lượng mía tại nước này giảm mạnh và là nguyên nhân gián tiếp khiến sản lượng đường giảm trong bối cảnh giá đường toàn cầu có xu hướng tăng. Dự báo, sản lượng mía trồng trong niên vụ 2016-17 của Thái Lan đạt mức 91,1 triệu tấn, giảm 3 triệu tấn so với niên vụ 2015-16. Tập đoàn Chế biến đường Thái Lan (TSMC) nhận định rằng sản lượng mía trong năm nay nhiều khả năng sẽ tiếp tục giảm do tình trạng hạn hán kéo dài. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng đến sản lượng mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến độ ngọt của cây mía, khiến chất lượng đường giảm nhiều hơn so với dự kiến. Quan ngại về tình hình hạn hán, nhiều nông dân đã lùi thời điểm trồng mía khiến vụ thu hoạch cũng bị chậm theo. Năm nay, thời điểm thu hoạch được ấn định vào ngày 1/12/2016. Trong niên vụ 2015-16, Thái Lan sản xuất 9,7 triệu tấn đường từ 94 triệu tấn mía.

Theo giới phân tích thị trường, các nhà sản xuất đường của châu Âu sẽ hướng tới các thị trường xuất khẩu khác, cùng với việc tìm kiếm thêm khách hàng mới tại thị trường nội địa, sau khi Liên minh châu Âu (EU) dỡ bỏ hạn ngạch sản xuất mặt hàng này và thực thi chính sách tự do hóa thị trường nông sản. Các nhà sản xuất đường ở “lục địa già” sẽ phải tìm kiếm thêm khách hàng từ trong và ngoài khối EU, trong bối cảnh sản lượng đường ước tăng từ 13,5 triệu tấn/năm lên ít nhất là 16 triệu tấn/năm, thậm chí là 18-19 triệu tấn/năm. Theo một số dự đoán, châu Âu sẽ từ nhà nhập khẩu ròng trở thành nhà xuất khẩu ròng của mặt hàng này.

MÍA ĐƯỜNG



Thị trường trong nước: Tuần qua, giá bán buôn đường kính trắng trên thị trường Hà Nội duy trì mức 17.000 đ/kg, tại TP.HCM và miền Trung, giá ở mức 16.600 - 16.800 đ/kg. Giá bán buôn đường tinh luyện hiện khoảng 17.000 - 17.700 đ/kg.

Tuy đã bước vào thời gian thu hoạch, phục vụ cho mùa chế biến mía đường niên vụ 2016-2017, nhưng các nhà máy đường vẫn chưa sẵn sàng lên lịch đón chặt, do khắp các cánh đồng mía nguyên liệu đều bị ngập nước, đường sá lầy lội...Hiện có gần 20.000 ha mía trên đồng tại tỉnh Tây Ninh đang chờ nước rút để được đưa về nhà máy. Thường vào đầu tháng 11 hàng năm là thời vụ thu hoạch mía, nhưng năm nay có thể gần 1 tháng nữa, nước rút hoàn toàn mới được thu hoạch. Lúc đó thiệt hại sẽ lớn hơn nhiều so với hiện nay do mía khô, chết dần do ngập nước, chữ đường giảm, chi phí vận chuyển sẽ cao hơn.

Theo Công ty Cổ phần mía đường Thành Thành Công, gần 13.000 ha vùng nguyên liệu mía của nhà máy hợp đồng với nông dân; trong đó, có 4.000 ha trồng ở Campuchia đều trong tình trạng ngập nước, nơi ngập nhiều trên 1 mét, ngập ít nhất cũng 3 cm. Dự kiến đến cuối tháng 12/2016, chờ nước rút, đường sá vận chuyển thuận lợi, nhà máy mới sắp xếp lịch đón chặt.

Còn vùng nguyên liệu mía của nhà máy đường Biên Hòa, có khoảng 4.000 ha nằm ven sông Vàm Cỏ Đông thuộc các huyện Châu Thành, Bến Cầu, Trảng Bàng... cũng chịu ảnh hưởng ngập lụt tương tự. Theo Nhà máy đường Biên Hòa, do nước bao vây toàn bộ vùng nguyên liệu, đường vận chuyển nên mọi công việc chuẩn bị cho thu hoạch, chế biến, nhà máy đành phải dời lại sau 25/11. Khi đó, trời ngưng mưa, nước rút mới tính chuyện thu hoạch. Do năm nay mía sẽ thu hoạch trễ, đến khi mía chín rộ (khoảng gần Tết), sẽ gây áp lực rất lớn đối với nhà máy, do nông dân nào cũng muốn được xếp lịch thu hoạch mía trước Tết, để có tiền trang trải, đồng thời tránh mía chín lâu, cây mía bị khô, mất chữ đường và nguy cơ cháy mía rất cao.

HNN

HẠT ĐIỀU



Thị trường thế giới: Thị trường hạt điều được dự báo sẽ liên tục tăng giá trong thời gian tới do nguồn cung thấp tại Việt Nam và Ấn Độ. Khuynh hướng tăng giá của thị trường và cầu vượt cung có thể đẩy giá lên mức cao kỷ lục.

Theo nhận định của Vijayalakshmi Cashews - một trong những nhà xuất khẩu điều lớn nhất và lâu đời nhất của Ấn Độ: Sản lượng điều thô tại Việt Nam, Ấn Độ và Tây Phi giảm khiến giá điều thô trở nên rất đắt đỏ. Nhưng nhu cầu vẫn mạnh và vượt cung ngay cả ở mức giá cao hiện nay.

Thị trường hạt điều bắt đầu tăng giá từ quý I/2016 do nguồn cung điều nhân giảm trong năm 2016. Tại Ấn Độ, chính phủ áp đặt thuế nhập khẩu 10% lên điều thô nhập khẩu đã khiến giá liên tục tăng từ giữa tháng 3. Thị trường có thể tiếp tục tăng giá đến tháng 3/2017 khi nguồn cung điều mới từ Ấn Độ và Việt Nam xuất hiện trên thị trường. Giá điều thô hiện đang quá cao và sự gia nhập của những nhà chế biến mới tại châu Phi và Ấn Độ càng khiến thị trường điều thô trở nên khó khăn hơn đối với các nhà chế biến. Mức giá hiện tại có thể duy trì suốt quý và phụ thuộc vào nhu cầu.

Tại thị trường Delhi, Ấn Độ, giá điều nhân vỡ 4 mảnh tuần này đã tăng 15 Rs/kg so với tuần trước, hiện đạt 735 Rs/kg nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng. Giá các chủng loại khác như: điều nhân vỡ 2 mảnh, 8 mảnh, điều nhân W240, hạt điều số 180 ổn định ở mức giá của tuần trước.

Tham khảo giá hạt điều giao ngay tại thị trường Delhi, Ấn Độ

ĐVT: Rs/kg

Ngày	Điều nhân vỡ 2 mảnh	Điều nhân W240	Điều nhân vỡ 4 mảnh	Điều nhân vỡ 8 mảnh	Hạt điều số 180
2/11	742,5	895	720	637,5	1105
7/11	742,5	895	720	637,5	1105
8/11	742,5	895	735	637,5	1105
9/11	742,5	895	735	637,5	1105

(Nguồn: cashewinfo)

Thị trường trong nước: Những tháng đầu năm 2016, giá hạt điều khô tại khu vực Đông Nam bộ giữ ở mức ổn định, khoảng 32.000 đ/kg. Tuy nhiên, bắt đầu từ khoảng 4/2016, do nhu cầu thị trường bắt đầu tăng cao nên đã đẩy giá hạt điều khô nhích lên, từ mức 37.000 đ/kg lên 55.000 đ/kg trong vòng 5 tháng. Đây là mức giá cao nhất từ trước đến nay.

HẠT ĐIỀU



Giá hạt điều khô đang được đẩy lên mức cao, một phần do thị trường Ấn Độ hiện nay không có sẵn một lượng hàng lớn. Hiện tại, các cơ sở chế biến điều của nước này đang phải trả giá cao hơn cho nông dân trong cả nước để mua hạt điều thô. Thêm vào đó, diện tích trồng điều ở khu vực Đông Nam bộ đang giảm vì nhiều nông dân có xu hướng chặt bỏ, chuyển sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn. Theo Hội điều Bình Phước, cả tỉnh hiện có trên 210 doanh nghiệp và khoảng 400 cơ sở chế biến hạt điều với tổng công suất 130.000 tấn/năm, nhưng chỉ thu mua được 81.287 tấn hạt/năm, tức chỉ khoảng 65% sản lượng điều thô của tỉnh, còn lại phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài về chế biến. Hiện nguồn hàng tại địa phương này đã cạn kiệt, nông dân không còn điều để bán.

Giá hạt điều khô trong thời gian tới vẫn tiếp tục có xu hướng tăng bởi nhu cầu tăng cao mà nguồn cung ngày càng thu hẹp do ảnh hưởng bởi thời tiết. Hiện tượng El Nino sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình ra trái cũng như năng suất, sản lượng điều của Việt Nam. Do đó, sản lượng nhân điều của Việt Nam năm 2016 dự báo không tăng so với năm 2015.

Để đảm bảo nguồn cung, các nhà chế biến điều Việt Nam không thể chỉ dựa vào nguồn điều thô nguyên liệu tại địa phương. Khoảng 2/3 lượng điều chế biến – xuất khẩu hàng năm là từ nguồn nhập khẩu. Tây Phi chiếm khoảng 46% sản lượng điều thô toàn cầu năm 2015, và hầu hết lượng điều thô sản xuất tại khu vực này được chế biến tại Ấn Độ, Việt Nam hoặc Brazil.

Mặc dù sản lượng nội địa giảm, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam có thể vẫn tăng trong năm nay, một phần do những thay đổi tại Bờ Biển Ngà. Việt Nam có thể nhập khẩu khoảng 800.000 tấn điều thô nguyên liệu, gấp đôi sản lượng điều thô nội địa. Việt Nam chiếm khoảng 15% sản xuất toàn cầu, nhưng cung ứng đến 58% xuất khẩu hạt điều toàn cầu.

Hiệp hội Điều Việt Nam ước tính xuất khẩu điều nhân năm 2016 đạt 300.000 tấn, tăng khoảng 14 tấn so với mức 286.000 tấn trong năm 2015. Giá trị xuất khẩu cả năm 2016 được Hiệp hội dự báo sẽ đạt 2,7 tỷ USD. Trong khi sản lượng tăng từ châu Phi có thể bù đắp nguồn cung giảm từ Việt Nam, nhu cầu tăng vẫn đang tiếp tục tác động lên thị trường điều nhân. Giá cao trong năm 2016 có thể ảnh hưởng đến nhu cầu chung trong năm 2017.

Tuần trước, giá xuất khẩu nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW320 sang Anh tăng 0,061 USD/kg, đạt 8,661USD/kg nhờ nhu cầu thu mua tăng.

HẠT ĐIỀU



Tham khảo giá xuất khẩu hạt điều tuần từ 31/10 – 06/11/2016

Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Thị trường
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW240	Tấn	15,88	9587,53	Úc
Hạt điều chiên muối WW320	KG	1134	10,07	Canada
Hạt điều nhân W320	KG	15876	9,66	Cộng hòa Séc
Nhân hạt điều sấy khô WW320	KG	5500	10,35	Trung Quốc
Hạt điều nhân (đã sấy khô, bóc vỏ) WS	LBS	21600	3,15	Pháp
Hạt điều nhân (đã sấy khô, bóc vỏ) LBW320	Tấn	15,88	7515,74	Đức
Hạt điều nhân WW320	KG	6804	9,48	Hy Lạp
Nhân hạt điều WW320	LBS	35000	4,45	Ấn Độ
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến LBW320	KG	15876	9,48	Israel
Hạt điều nhân W240	KG	12000	10,70	Lebanon
Hạt điều nhân WW320	Tấn	15,88	9874,06	Malaysia
Hạt điều nhân (đã bóc vỏ, sấy khô) WW240	KG	15876	10,30	Mexico
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) LBW320	Tấn	15,88	8265,11	Hà Lan
Hạt điều nhân (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW450	KG	8278,2	9,22	Niu di lân
Hạt điều nhân WW360	LBS	35000	4,29	Ba Lan
Nhân hạt điều Việt Nam WW320	Tấn	15,88	9896,10	Nga
Hạt điều nhân tiết trùng PST-OW320	KG	15876	10,14	Singapore
Hạt điều nhân WW320	Tấn	15,88	9653,65	Cộng hòa Slovakia
Hạt điều nhân WW320	KG	15876	9,74	Thụy Điển
Hạt điều nhân WW320	Tấn	15,88	9587,53	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW320	Tấn	15,88	8661,84	Anh
Nhân hạt điều (hạt điều thô đã bóc vỏ, chưa rang) WW240	Tấn	15,88	10358,94	Mỹ

(Theo Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại)

T.T.P.

HẠT TIÊU



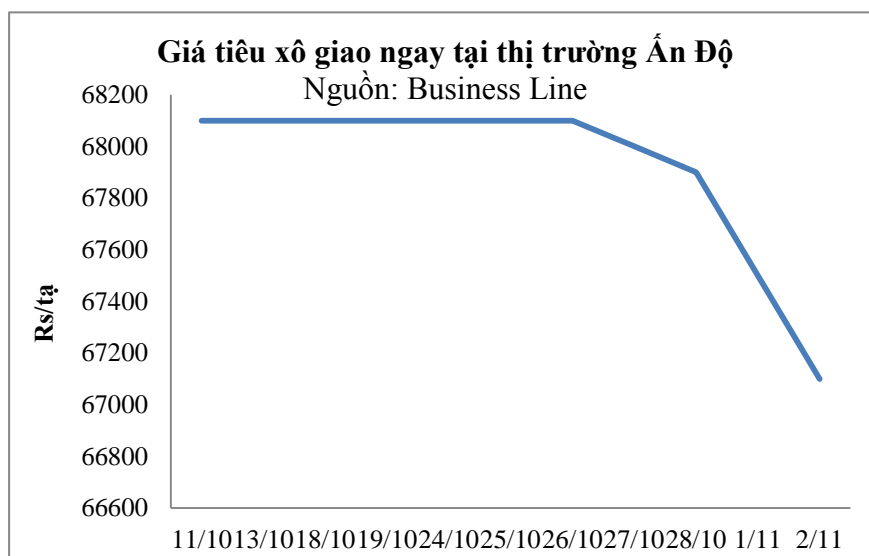
Thị trường thế giới: Thị trường hạt tiêu diễn biến trầm lắng trong tuần qua và giá tiếp tục giảm ở hầu hết tất cả nguồn cung cấp. Giá hạt tiêu đen được ghi nhận giảm đáng kể ở thị trường Lampung (Indonesia) và Việt Nam với mức giảm tương ứng là 8% và 7%. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch hạn chế do nông dân Lampung tiếp tục giữ lại số hàng hạn chế trong kho nhằm chờ đợi một mức giá tốt hơn. Tại Sarawak (Malaysia), giá hạt tiêu đen và trắng giảm 5% và giá FOB giảm 2%. Tại Sri Lanka, giá hạt tiêu giảm nhẹ 1% trong tuần qua. Giá hạt tiêu trắng tại Bangka (Indonesia) và Trung Quốc tương đối ổn định.

Tại Ấn Độ, việc Việt Nam giảm giá tiêu từ 6.700 USD/tấn xuống 6.150 USD/tấn và sản lượng của Việt Nam trong năm tới dự kiến lên tới 200.000 tấn đã kéo giá hạt tiêu trong nước giảm mạnh trong tuần qua. Giá tiêu Ấn Độ giao sau trong khoảng 650 - 665 Rs/kg. Giá giao ngay giảm 1.300 Rs/tạ trong vòng một tuần xuống chỉ còn 65.800 Rs/kg (tương đương 9.850 USD/tấn) cho tiêu xô và 68.800 Rs/tạ (tương đương 10.299 USD/tấn) cho tiêu chọn.

Do lợi nhuận lớn, nhập khẩu hạt tiêu giá rẻ từ các khu vực khác nhau cũng đang diễn ra. Các hợp đồng giao ngay và kỳ hạn trên sàn giao dịch hàng hóa duy nhất của Hiệp hội Gia vị IPSTA cho thấy sự sụt giảm mạnh. Hợp đồng tháng 11/2016 và tháng 12/2016 trên sàn IPSTA cũng giảm 1.000 Rs/tạ đóng cửa ở mức 69.000 Rs/tạ (tương đương 10.329 USD/tấn) và 63.000 Rs/tạ (tương đương 9.431 USD/tấn) trong khi hợp đồng giao tháng 1/2017 vẫn không đổi ở mức 57.000 Rs/tạ.

Trên sàn Sở Giao dịch Hàng hóa Quốc gia (NMCE), hợp đồng tháng 12/2016 và tháng 1/2017 giảm 1.050 Rs/tạ và 186 Rs/tạ đóng cửa ở mức 66.100 Rs/tạ và 65.639 tạ.

Giá xuất khẩu hạt tiêu Ấn Độ hiện ở mức 10.675 USD/tấn C&F cho thị trường châu Âu và 10.925 USD/tấn cho thị trường Mỹ. Trong khi đó, giá niêm yết cho tiêu 570 GL Asta Việt Nam sạch với tối đa 2% hạt lép và 12% độ ẩm được báo cáo ở mức 7.100 USD/ tấn (FOB) TP. HCM và tiêu 500 GL Asta sạch ở mức 6.950 USD/tấn (FOB) TP.HCM.



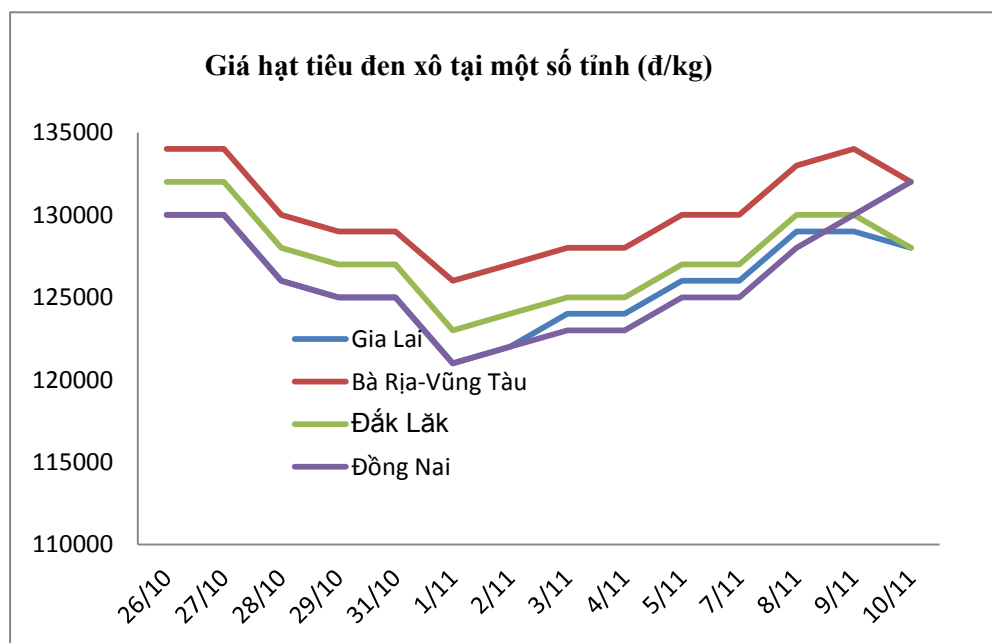
HẠT TIÊU



Thị trường trong nước: Giá hạt tiêu tại thị trường trong nước tuần này tăng nhẹ trở lại, với mức tăng khoảng 3.000 đ/kg so với tuần trước. Ngày 10/11/2016, giá tiêu đen nguyên liệu tại các vùng nguyên liệu Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Đồng Nai lần lượt ở mức 128.000 đ/kg, 132.000 đ/kg, 128.000 đ/kg, 132.000 đ/kg.

Giá tiêu hiện nay đang ở mức thấp so với tháng 3 đầu năm nay. Theo nhận định của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), ở lần giảm này khả năng phục hồi không cao. Với diễn biến hiện nay, không loại trừ khả năng giá sẽ còn giảm tiếp và cũng có thể xuống ngưỡng 100.000 đ/kg. Theo VPA, tình hình thị trường hiện nay là cung vượt cầu, tồn kho hồ tiêu trong dân còn, nhu cầu tiêu dùng thế giới gần như bão hòa. Việc giá hồ tiêu có thể đi vào chu kỳ giá thấp là điều không thể tránh khỏi.

Với việc chiếm hơn 50% sản lượng toàn cầu, giá thành thấp hơn các nước nên khả năng cạnh tranh của hồ tiêu Việt Nam cao hơn. Thêm vào đó, việc thu hoạch thời gian so với Indonesia và Brazil cũng là điểm thuận lợi, nếu người trồng hồ tiêu vẫn bình tĩnh điều tiết lượng bán ra, biết khai thác lợi thế cạnh tranh và thời điểm thu hoạch, dù giá sẽ còn giảm, nhưng là giảm dần, không ồ ạt hay đột ngột. Điều quan ngại hiện nay là khi cung vượt cầu, nhà nhập khẩu nước ngoài sẽ chú trọng đến chất lượng và an toàn thực phẩm. Đây lại là điểm yếu của hồ tiêu Việt Nam, nhất là khi giá hồ tiêu thế giới suy giảm. Vì vậy, VPA khuyến cáo người dân dừng ngay việc đầu tư trồng mới diện tích hồ tiêu và cần tiến tới việc trồng hồ tiêu bền vững, nên trồng xen với cây cà phê, cây ăn trái, nhằm giảm rủi ro.



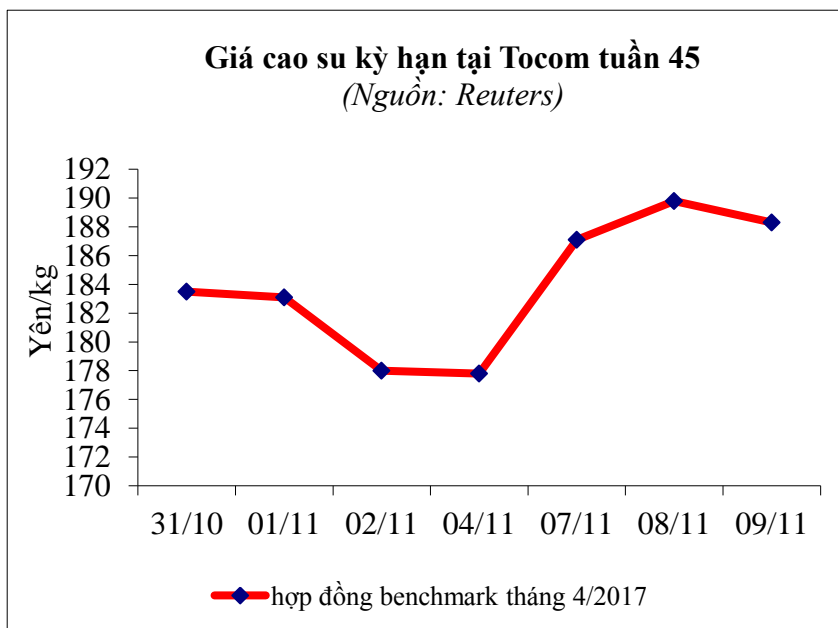


Thị trường thế giới: Thị trường cao su giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Tokyo, Nhật Bản (Tocom) biến động tăng trở lại sau một tuần suy giảm, nhờ được nâng đỡ bởi đồng đô la Mỹ tăng mạnh. Kết thúc phiên giao dịch 8/11, thị trường cao su kỳ hạn được đẩy lên mức cao nhất trong 6 tháng qua khi đồng đô la Mỹ tăng mạnh so với đồng yên Nhật. Hợp đồng benchmark tháng 4/2017 cuối phiên 8/11 đạt 189,8 yên/kg, tăng 2,7 yên so với phiên trước (7/11) và tăng tới 12 yên so với phiên cuối tuần trước (4/11).

Chính phủ Ấn Độ vừa cắt giảm thuế nhập khẩu nhiều sản phẩm cao su từ Malaysia theo Thỏa thuận Hợp tác kinh tế toàn diện Ấn Độ - Malaysia (IMCECA). Theo thông báo của Tổng cục Thuế và Hải quan Ấn Độ, thuế nhập khẩu của lớp mới và lớp đắp lại cho ô tô con, xe buýt và xe tải sẽ giảm xuống 5%, có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2016 trong khi thuế của lớp máy bay, lớp máy móc nông nghiệp và lớp xe công trình sẽ được xóa bỏ.

Danh mục các hàng hóa khác được hưởng thuế nhập khẩu 0% trong thông báo bao gồm bao cao su, găng tay y tế, thảm lót sàn, gôm tẩy, sản phẩm cao su cứng, một số loại cao su tổng hợp, cao su phế liệu và vụn cao su, đai cao su đắp lại, săm xe, ống cao su và băng tải.

Ngành cao su Ấn Độ nhận định, khi thuế nhập khẩu giảm xuống, nhiều sản phẩm cao su giá rẻ từ Malaysia tràn vào thị trường nội địa Ấn Độ và đẩy nông dân cao su vào tình thế khó khăn hơn.



Thị trường trong nước: Tuần qua, giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh diễn biến tăng cùng với xu hướng thị trường cao su thế giới. Cụ thể: cao su SVR3L tăng từ 34.200 đ/kg (2/11) lên 35.200 đ/kg (8/11); cao su SVR10 tăng từ 33.800 đ/kg lên 34.600 đ/kg.

Hệ thống cung cấp giá tại địa phương ghi nhận giá mủ cao su dạng nước tại Bình Phước tuần qua ổn định ở mức 9.280 đ/kg (2/11) đối với mủ tạp 32 độ, sau hai tuần tăng giá liên tiếp.

Kể từ đầu vụ thu hoạch năm nay, giá mủ cao su đang dần nhích tăng. Suốt mấy tháng qua, khi những cơn mưa xuất hiện ngày càng nhiều cũng là thời điểm bước vào vụ thu hoạch mủ cao su năm 2016. Giá mủ nước nhiều nơi tương đối ổn định với mức cao hơn so với cuối năm 2015. Cụ thể, các đại lý thu mua mủ cao su tại khu vực Đông Nam bộ cho biết, giá mủ cao su tươi mua vào từ 6.500 – 12.000 đ/kg (tăng 1 – 2,5 triệu đồng/tấn so với hồi đầu tháng 9/2016). Giá mủ cao su dạng nước tại Bình Phước tăng từ 6.720 đ/kg lên 7.040 đ/kg, 7.400 đ/kg và hiện tại là 9.280 đ/kg đối với mủ tạp 32 độ.



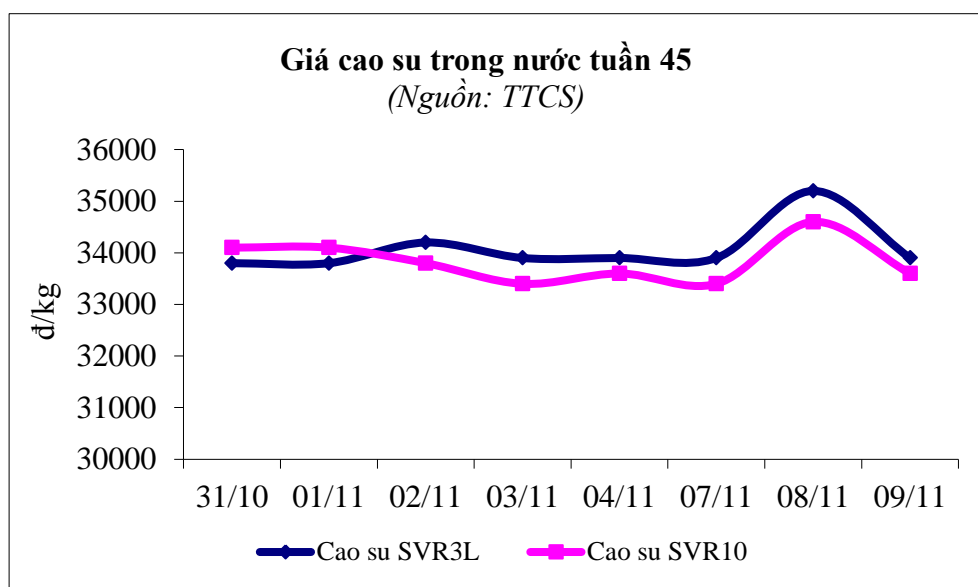
Nguyên nhân giá mủ cao su tươi tăng là do một số nước sản xuất cao su thiên nhiên lớn đã giảm sản lượng khai thác vì giá mủ thời gian qua quá rẻ, có lúc chỉ bằng 2/3 giá hiện tại.

Cùng với đó, mặt hàng cao su thiên nhiên đã ổn định được thị trường xuất khẩu, nhất là Trung Quốc vì nhu cầu sản xuất săm lốp ô tô của thị trường này đang đà tăng nhẹ. Còn tính từ mức đáy gần nhất vào giữa tháng 6/2016, đến nay giá mủ cao su thế giới đã tăng xấp xỉ 20%.

Riêng về cao su sơ chế SVR3L, hồi quý 1/2016, giá dao động ở mức 26 – 28 triệu đồng/tấn, vào cuối tháng 4/2016 bỗng tăng lên 37 triệu đồng/tấn nhưng kéo dài không bao lâu. So với mức giá chạm đáy hồi đầu năm 2016 là 26 triệu đồng/tấn thì với mức giá 33-34 triệu đồng/tấn đã và đang mang lại chút ít hy vọng.

Xuất khẩu cao su thiên nhiên sang thị trường Trung Quốc đã xuất hiện những chuyển động tích cực so với các tuần trước. Từ đầu tháng 10 đến nay, sản lượng cao su thiên nhiên Việt Nam do các khách hàng Trung Quốc nhập khẩu đã tăng 26%. Nhu cầu nhập khẩu cao su từ Trung Quốc tăng lên trong mấy tháng qua do nền kinh tế Trung Quốc đã đi vào thời kỳ mới sau một số cải cách về cơ cấu. Dự báo xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ tăng lên trong 2 tháng cuối năm. Sản lượng cao su xuất khẩu dự kiến sẽ tăng lên khoảng 12.000 tấn/tuần lễ để hướng tới mục tiêu đạt mức cả năm 500.000 tấn sản phẩm cao su các loại sang thị trường Trung Quốc.

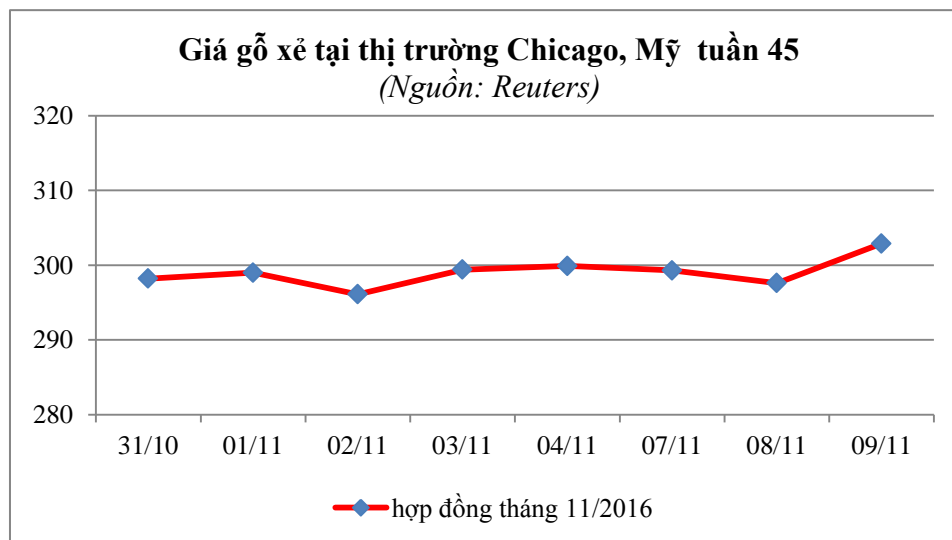
Không chỉ thuận lợi về nhu cầu, giá cao su cũng đang có xu hướng tăng. Giá sản phẩm cao su sơ chế đóng bánh 33,3 kg thương hiệu SVR 3L đạt bình quân trong tuần qua là 12.500 NDT/tấn. Sự chênh lệch giá của sản phẩm này đối với các sản phẩm khác như SRV 5, SRV-L, SRV-CV50. SRV-CV60 dao động từ 300 – 400 NDT/tấn. Riêng đối với hai sản phẩm cao su đóng bánh màu xám là SRV 10, SRV 20 thấp hơn 100 NDT/tấn.



GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường thế giới: Thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sở Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tuần qua đã hồi phục trở lại. Kết thúc phiên giao dịch 9/11, hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2016 đạt mức 302,9 USD/tbf, tăng 5,3 USD so với giá đóng cửa phiên trước (8/11) là 297,6 USD/tbf, và tăng 3 USD so với phiên cuối tuần trước là 299,9 USD/tbf.



Thị trường pallet toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ tỷ lệ tăng trưởng hàng năm kép (CAGR) là 4,9% giai đoạn 2016-2020 nhờ sự phục hồi sản xuất và kinh tế, nhu cầu tăng trên toàn thế giới dự kiến trong phân khúc vận chuyển vật liệu.

Mỹ được dự báo sẽ thống trị thị trường pallet toàn cầu vào năm 2020, với thị phần chiếm khoảng 45%. Tăng trưởng trong lĩnh vực sản xuất, phục hồi thị trường nhà ở và xây dựng, tăng trong sản xuất công nghiệp và xuất khẩu là những yếu tố chính góp phần vào sự tăng trưởng của thị trường pallet giai đoạn 2016-2020.

MAPI dự báo hoạt động sản xuất pallet thế giới tăng trưởng nhanh hơn GDP trong năm 2015 và 2016, sau khi sản lượng giảm mạnh trong năm 2008 – 2009.

Sản xuất pallet tiếp tục tăng trưởng ở mức 3,6% trong năm 2016 và 2017. Sự gia tăng về sản lượng và nhu cầu vận chuyển vật liệu trong xuất khẩu sẽ thúc đẩy nhu cầu về pallet. Theo các nhà phân tích, xu hướng này sẽ thúc đẩy tăng trưởng thị trường theo chiều dọc của các công ty. Khi các xưởng cưa không đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng về gỗ sử dụng trong sản xuất pallet thì các công ty sẽ chuyển sang đầu tư vào khai thác gỗ và các xưởng cưa, điều này sẽ giúp sản xuất pallet chất lượng tốt và giá cả hợp lý.

Phân khúc pallet gỗ chiếm khoảng 91% thị phần thị trường pallet toàn cầu trong năm 2015. Phân khúc pallet gỗ phát triển mạnh do xu hướng tiêu dùng ưa chuộng bởi tính linh hoạt, các yếu tố giá thành rẻ, số lượng sản xuất không hạn chế theo đơn đặt hàng, chắc chắn, dễ sử dụng, thích ứng tốt với nhiều loại hàng hóa cũng như có thể sản xuất với đơn hàng số lượng nhỏ và là lựa chọn duy nhất cho hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa dùng pallet một lần. Nhu cầu lớn đối với pallet gỗ chủ yếu từ thức ăn và đồ uống và các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.

GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Thị trường trong nước: Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ tăng trưởng khả quan, do nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này tăng mạnh tại thị trường Trung Quốc. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 10/2016 ước đạt 84 triệu USD, tăng 2,8% so với tháng trước, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2015. Lũy kế đến hết tháng 10/2016, kim ngạch xuất khẩu đạt 760 triệu USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong thời gian tới, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tiếp tục được hỗ trợ nhờ các yếu tố như: sự suy giảm của ngành gỗ Trung Quốc do Chính phủ tập trung vào các ngành công nghiệp khác; thị trường bất động sản tại Trung Quốc đang tăng mạnh; nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất tại thị trường Trung Quốc tăng do điều kiện sống của người dân cải thiện; đô thị hóa là chính sách hàng đầu kích thích nhu cầu trong nước tại Trung Quốc trong những năm tới; xu hướng tiêu dùng chính ở Trung Quốc là sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường; dự kiến độ che phủ rừng của Trung Quốc là 24%, nhu cầu gỗ là 470 triệu m³, trong khi đó thực tế chỉ đáp ứng được 300 triệu m³.

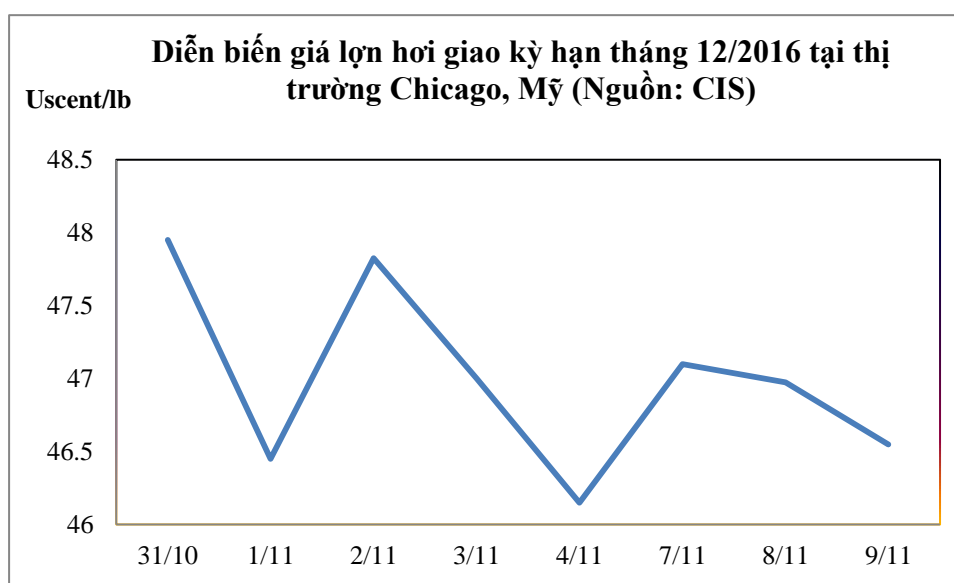
Theo số liệu thống kê sơ bộ của Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong tuần từ ngày 25/10 – 01/11/2016 đạt 170,3 triệu USD, tăng 10,9% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 111,3 triệu USD, giảm 1,72% so với tuần trước. Mặt hàng đồ gỗ nội thất bằng gỗ xuất khẩu sang các thị trường trong tuần là: Mỹ đạt kim ngạch 46,1 triệu USD, giảm 3%; Đài Loan đạt 11 triệu USD, tăng 2,24%; Nhật Bản đạt 8,3 triệu USD, tăng 11,2%; Hồng Kông đạt 7,2 triệu USD, tăng 20%; Trung Quốc đạt 5,5 triệu USD, tăng 27,5% so với tuần trước.

Giá trị nhập khẩu gỗ nguyên liệu về Việt Nam trong tuần từ ngày 25/10 – 01/11/2016 đạt 48,2 triệu USD, tăng 34,5% so với kỳ trước. Trong kỳ này, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 60 thị trường trên thế giới, trong đó có 16 thị trường đạt trị giá nhập khẩu trên 1 triệu USD. Trung Quốc là thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong kỳ này, giá trị đạt 6,6 triệu USD, giảm 4,5% so với kỳ trước. Cùng với đó, trị giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu cũng giảm từ các thị trường Hồng Kông, Mỹ, Đài Loan, Sing-ga-po... Các thị trường Pháp, Cam-pu-chia, Ca-na-đa, Lào... có giá trị nhập khẩu tăng so với kỳ trước.

NLA



Thị trường thế giới: Tại thị trường Chicago, Mỹ, giá lợn hơi giao kỳ hạn tháng 12/2016 tuần này giảm mạnh so với tuần trước do nguồn cung dồi dào, lượng bán ra tăng. Chốt phiên giao dịch ngày 9/11, giá lợn hơi đạt 46,55 Uscent/lb, giảm 0,55 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch ngày đầu tuần (7/11) và giảm 1,4 Uscent/lb so với mức giá đạt được vào cuối phiên giao dịch đầu tuần trước (31/10).



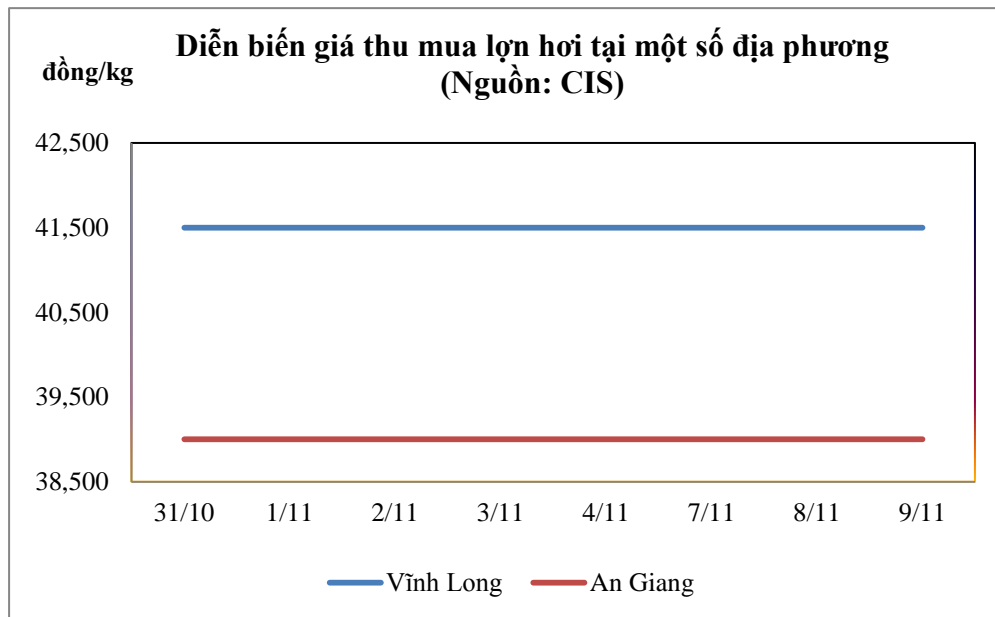
Tại Nhật Bản, tiêu dùng nội địa tăng đã giúp duy trì giá thịt lợn ổn định ở mức cao bất chấp nguồn cung tăng. Trong báo cáo quý IV/2016, Rabobank nhấn mạnh cả sản xuất và tiêu dùng thịt lợn nội địa của Nhật Bản đều tăng, mức tăng lần lượt là 1,9% lên 515.000 tấn và 9,4% lên 494.000 tấn trong năm 2016. Tuy nhiên, trong năm 2017, sản xuất thịt lợn của Nhật Bản được dự báo giảm do dự trữ đàn giảm. Đồng Yên Nhật tăng giá cũng là cơ hội cho các nhà xuất khẩu thịt lợn thế giới nhắm tới thị trường này.

Thị trường trong nước: Tại Đồng Nai, dịp cuối tháng 10/2016 do lũ lụt tại miền Trung, việc vận chuyển lợn qua Trung Quốc không thực hiện được, cộng với sau đó phía Trung Quốc giảm nhập lợn từ Đồng Nai nên giá lợn hơi tại địa phương này đã giảm sâu xuống chỉ còn 35.000 – 37.000 đ/kg. Tuy nhiên, mấy ngày gần đây, phía Trung Quốc nhập lại lợn nên giá đã bắt đầu tăng lên mức 39.000 – 41.000 đ/kg. Với mức giá như hiện tại, người chăn nuôi nhỏ lẻ chỉ hòa vốn, còn các trang trại nuôi nhiều, áp dụng các quy trình kỹ thuật mới thì có lãi chút đỉnh. Hiện giá lợn hơi của Đồng Nai đang phụ thuộc khá lớn vào thị trường Trung Quốc. Theo Hiệp hội Chăn nuôi Đồng Nai, trung bình mỗi ngày các trại của Đồng Nai bán hơn 2.000 con lợn thịt cho thương lái đưa sang Trung Quốc với trọng lượng trung bình từ 120 - 140 kg/con.

THỊT

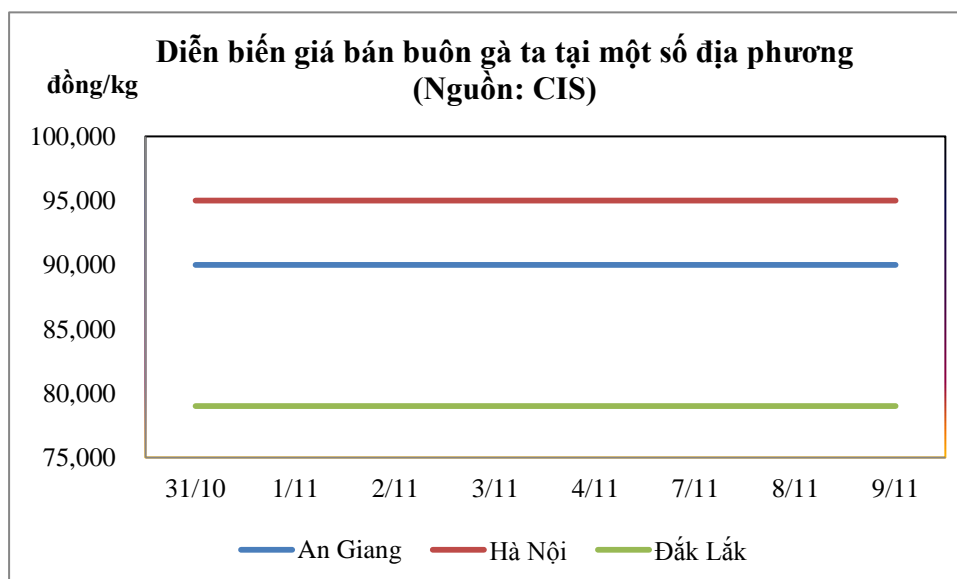


Trong khi giá lợn hơi tại Đồng Nai đang tăng nhẹ thì giá lợn hơi tại các tỉnh ĐBSCL tuần này không đổi so với tuần trước. Cụ thể là, giá thu mua lợn hơi tại Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu hiện đang ổn định ở mức giá 41.500 đ/kg; 39.000 đ/kg và 38.000 – 43.000 đ/kg.



Tuần này, giá gà ta và gà gia cầm nhìn chung khá ổn định. Theo đó, giá thu mua gà công nghiệp hơi tại Đông Nam Bộ hiện đang duy trì mức ổn định là 21.000 – 22.000 đ/kg; tại ĐBSCL là 21.500 – 22.000 đ/kg.

Giá bán buôn gà trống ta hơi tại chợ đầu mối Hà Vĩ, Hà Nội hiện đang duy trì mức 95.000 đ/kg; An Giang 90.000 đ/kg; Đắk Lắk 79.000 đ/kg.





Thị trường thế giới: Theo thông tin được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh ngành thủy sản tại Thanh Đảo, Trung Quốc, sản lượng khai thác mực ống của Peru năm 2016 đã giảm đáng kể so với năm 2015 do El Nino, giá cá theo đó cũng tăng vọt. Điều này gây bất lợi về tài chính cho các công ty đánh bắt mực ở các vùng biển của quốc gia này. Khối lượng sản xuất bởi một số công ty giảm tới 70% so với năm ngoái. Peru là một trong những nhà sản xuất mực ống lớn nhất trên thế giới.

Sản lượng đánh bắt mực của Argentina và quần đảo Falkland cũng giảm trong năm nay. Mặc dù giá mực tăng trong năm nay, nhưng sản lượng đánh bắt thấp hơn đã làm giảm lợi nhuận của các nhà sản xuất. Mực ống "daruma" Peru hiện đang được bán trên thị trường Trung Quốc vào khoảng 4,3 - 5 USD/kg, tăng từ 1,5 USD/kg vào tháng 4/2015 và 3,8 USD/kg vào cuối năm 2015. Tại Peru, hiện nay có khoảng 50 nhà sản xuất mực lớn và hơn 200 nhà sản xuất nhỏ hơn. Một số nhà sản xuất đang chuyển sang loài khác để bù đắp cho doanh thu bị mất, trong khi những nhà sản xuất khác đang cố chờ cho đến khi trữ lượng mực tăng trở lại.

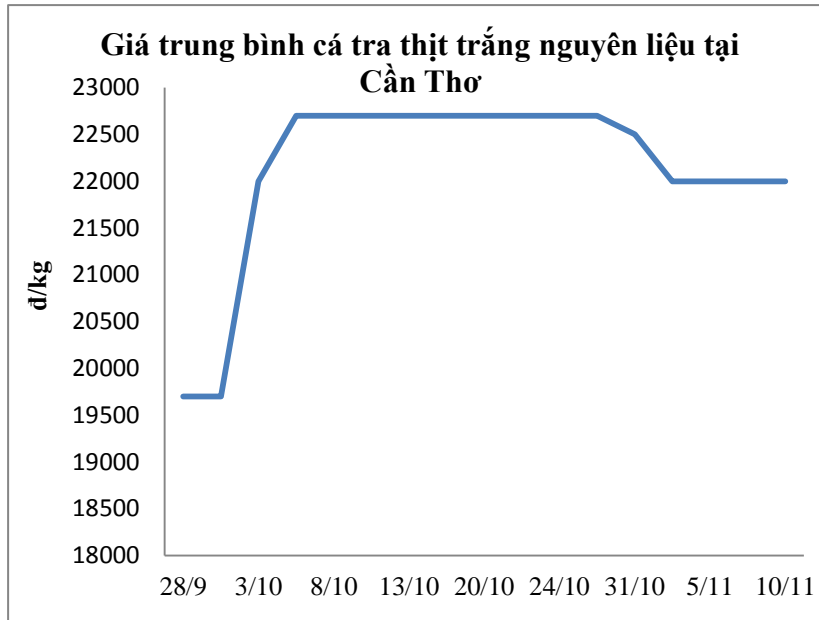
Theo cơ quan chức năng tại Brazil, bệnh đốm trắng trên tôm bùng phát ở nước này đã dẫn đến giá tôm tăng 50% kể từ đầu năm do sản lượng trong nước giảm gần 30%. Dịch bệnh đã ảnh hưởng đến các trung tâm sản xuất của Rio Grande do Norte và Ceara. Trong khi năm ngoái sản lượng toàn quốc đạt mức cao 76.000 tấn, trong năm 2016 sản lượng không thể vượt quá 60.000 tấn. Theo Hiệp hội Các nhà nuôi tôm, giá đã tăng từ 14.50 BNR/kg (tương đương 4,56 USD) lên 21.00 BNR/kg kể từ đầu năm. Việc thiếu sản lượng trong nước đã gây khó khăn cho các nhà hàng.

Thị trường trong nước: Thị trường cá tra nguyên liệu tại Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp... ổn định sau khi giảm vào tuần trước, giá thu mua dao động trong khoảng 21.500 - 22.500 đ/kg loại cá dưới 1kg/con tại ao.

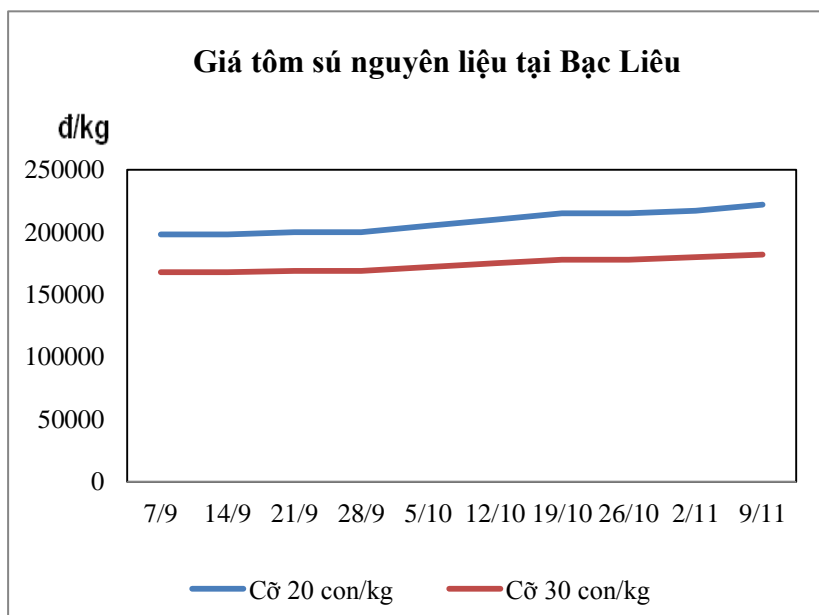
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) vừa cảnh báo về tình trạng thu mua bất thường cá tra của thương lái Trung Quốc (TQ). Cụ thể, thời gian gần đây lại xuất hiện hiện tượng thương lái TQ tìm kiếm và thu mua cá tra cỡ nhỏ 350 - 400 g/con, trong khi loại cá đủ tiêu chuẩn xuất khẩu phải có trọng lượng 0,8 - 0,9 kg/con.

Trước đó, vào giữa năm 2016, thương lái TQ đã tìm đến tận ao nuôi của người dân để mua cá tra thương phẩm loại lớn, quá khổ, nhiều bà con tăng nuôi để bán cho TQ. Nhưng đúng như kịch bản với nhiều nông sản khác, đến thời điểm thu hoạch, họ ngưng mua, cá quá kích cỡ không thể chế biến cho các thị trường khác, nhiều bà con nông dân “chết đứng”.

VASEP dự báo các doanh nghiệp cá tra sẽ thiếu nguyên liệu cho xuất khẩu đến tận quý I-2017 do TQ cạnh tranh thu mua cá nguyên liệu và nguồn cung nguyên liệu trong nước sụt giảm.



Giá tôm nguyên liệu tuần này tiếp tục tăng so với tuần trước do nguồn cung ít và nhu cầu thu mua của các nhà máy chế biến xuất khẩu cao. Tại Bạc Liêu, tôm sú nguyên liệu cỡ 30 con/kg tăng 5.000 đ/kg lên mức 220.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg tăng 2.000 đ/kg lên 182.000 đ/kg. Tôm thẻ cỡ 50 con/kg tăng 1.000 đ/kg lên 135.000 đ/kg, tôm thẻ cỡ 60 con/kg tăng 1.000 đ/kg lên 131.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, giá tôm sú loại 30 con/kg ổn định ở mức 195.000 đ/kg.



RAU QUẢ



Tình hình xuất nhập khẩu: Tính tới hết tháng 10/2016, Việt Nam nhập khẩu trên 400.000 tấn trái cây, trong số đó nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc là 120.000 tấn, chiếm khoảng 30%. Theo Cục Bảo vệ thực vật, kể từ năm 2015, nhập khẩu trái cây từ thị trường Trung Quốc đã giảm mạnh, ước tính có thể giảm tới 60% so với những năm trước đó. Và thị trường trái cây trong nước được thay thế bằng các loại rau quả, trái cây từ thị trường Mỹ, Úc, khu vực Mỹ Latinh...

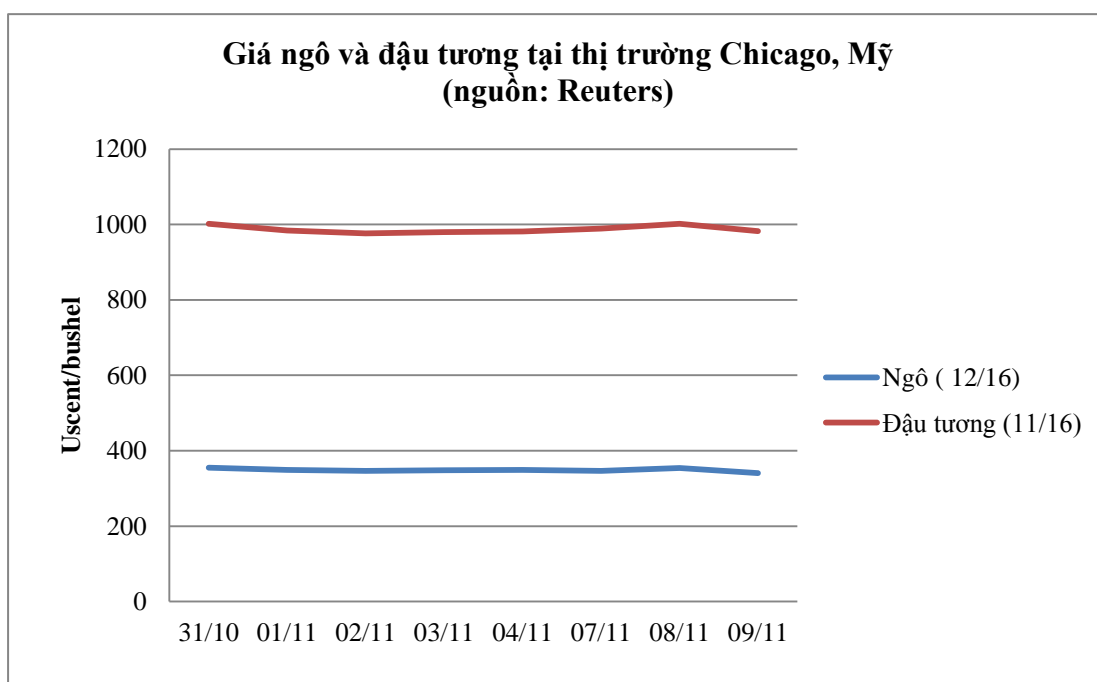
Về kiểm tra an toàn thực phẩm, do xác định Trung Quốc là một trong những nhóm thị trường có nguy cơ cao nên khi nhập khẩu mặt hàng rau quả nói chung từ Trung Quốc, cơ quan chức năng đều xác định lấy mẫu với tần suất cao hơn các nước khác để kiểm tra. Tuy nhiên, cũng theo ông Trung, 10 tháng đầu năm nay, qua việc lấy mẫu kiểm tra, nhất là trái cây nhập khẩu, cơ quan chức năng phát hiện sản phẩm trái cây nhập khẩu từ Trung Quốc có dư lượng thuốc bảo vệ thực nhưng không vượt ngưỡng cho phép, do đó, vẫn đảm bảo an toàn thực phẩm.

CDH

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường thế giới: Theo nguồn tin Reuters, giá ngô và đậu tương trong tuần qua có dấu hiệu giảm vào phiên giao dịch gần đây nhất. Cụ thể, giá ngô đã giảm xuống mức giá 340,75 Uscent/bushel, giá đậu tương giảm xuống mức giá 982 Uscent/bushel.



Theo Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA), trong báo cáo tháng 11/2016 dự báo sản lượng đậu tương thế giới niên vụ 2016/17 sẽ đạt 336,09 triệu tấn, trong đó sản lượng của Mỹ ước đạt 118,69 triệu tấn. Đối với mặt hàng ngô, sản lượng ước tính đạt 1.030,53 triệu tấn, trong đó Mỹ cung cấp 386,75 triệu tấn.

Dưới đây là bảng giá trị cụ thể ước tính của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)

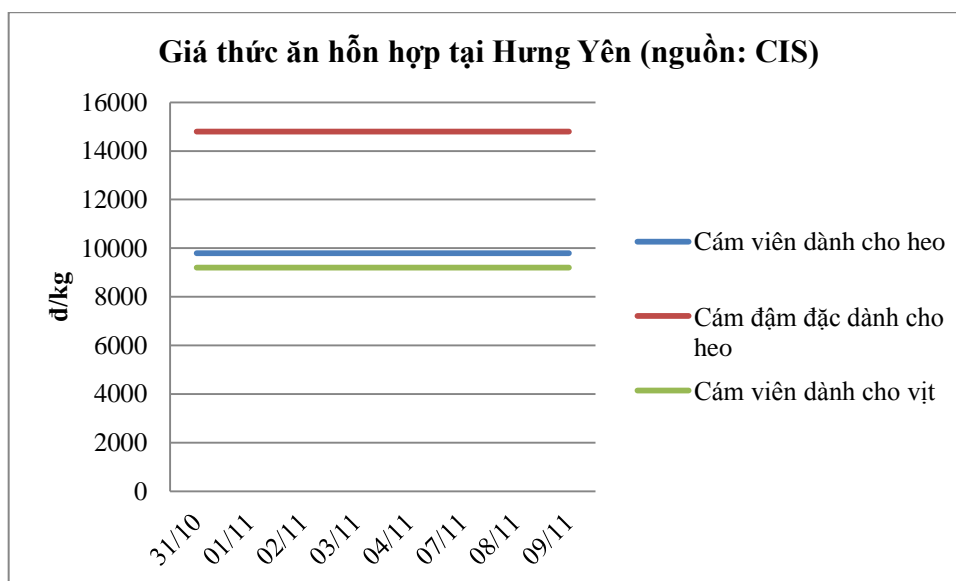
Dvt: triệu tấn

Mặt hàng ngô	Dự trữ đầu vụ	Cung		Tiêu thụ			Dự trữ cuối vụ
		Sản lượng	Nhập khẩu	Ngành TACN	Nội địa	Xuất khẩu	
Thế giới	209,4	1030,53	134,09	624,85	1021,74	144,23	218,19
Mỹ	44,14	386,75	1,27	143,52	314,59	56,52	61,05
Các nước còn lại	165,26	643,78	132,82	481,34	707,14	87,71	157,14
Mặt hàng đậu tương	Dự trữ đầu vụ	Cung		Tiêu thụ			Dự trữ cuối vụ
		Sản lượng	Nhập khẩu	Ngành TACN	Nội địa	Xuất khẩu	
Thế giới	77,07	336,09	136,21	288,17	328,69	139,16	81,53
Mỹ	5,36	118,69	0,82	52,53	56	55,79	13,08
Các nước khác	71,71	217,4	135,4	235,65	272,69	83,37	68,45

THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Thị trường trong nước: Giá thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu trong nước trong tuần qua tương đối ổn định. Theo hệ thống giá tại địa phương, giá thức ăn chăn nuôi hỗn hợp tại tỉnh Hưng Yên vẫn giữ ở mức ổn định của tuần trước. Cụ thể, giá cám viên dành cho heo ổn định ở mức giá 9.800đ/kg; giá cám đậm đặc dành cho heo có giá là 14.700đ/kg và giá cám viên dành cho vịt vẫn ở mức giá là 9.200đ/kg



Thời gian qua, liên tiếp nhiều mặt hàng nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi từ nhiều thị trường đã bị Bộ NN-PTNT tạm ngừng NK... Cụ thể, gần đây nhất, ngày 17/10/2016, ba quốc gia gồm Hoa Kỳ, Sudan và Hồng Kông đã bị Bộ NN-PTNT ký quyết định tạm ngừng NK đối với một số mặt hàng gồm bột bã ngô (Distiller's dried grains with soluble - DDGS) từ Hoa Kỳ do nhiễm một *Trogoderma variabile* Ballion; lạc từ Sudan và Hồng Kông do bị nhiễm một cứng đốt *Trogoderma granarium* Everts (một TG) và một lạc serratus *Caryedon serratus* Olivier.

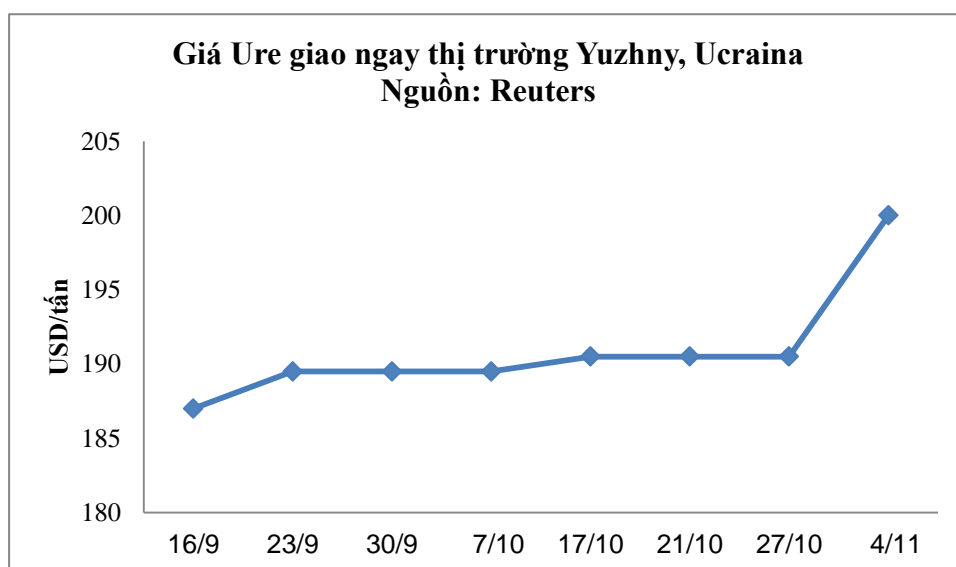
PHÂN BÓN



Thị trường thế giới: Thị trường Ure thế giới biến động tăng trong tuần qua do nhu cầu tăng mạnh. Ấn Độ dự kiến sẽ có một đơn hàng mua Ure trong khi các nhà sản xuất Ure lớn trên thế giới như Trung Quốc có xu hướng tiếp tục giữ giá, cắt giảm sản lượng, tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và hạn chế xuất khẩu. Giá Ure bán buôn Vịnh Mỹ tăng 15 USD/tấn lên 215 USD/tấn. Giá Ure bán lẻ thị trường Mỹ duy trì mức trên 300 USD/tấn.

Giá bán lẻ DAP vẫn duy trì mức 422 USD/tấn, mức giá này thấp hơn 10 USD/tấn so với các dự đoán được đưa ra khi giá DAP bán buôn tăng nhẹ từ mức thấp trong nhiều năm vào mùa hè qua. Có một số dự đoán giá DAP sẽ tăng vào năm 2017 do nhu cầu DAP toàn cầu có xu hướng khởi sắc.

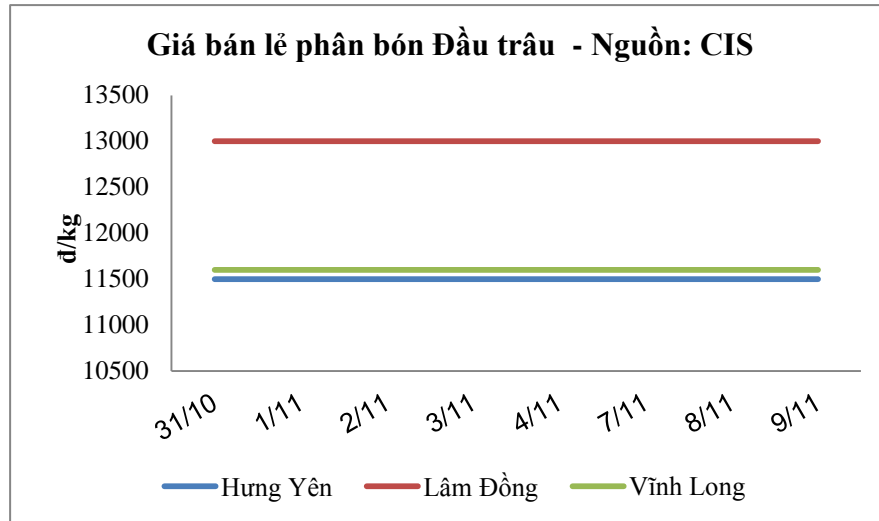
Giá Kali bán buôn tại các khu vực trồng ngô chính của nước Mỹ tăng 1 USD/tấn lên 248 USD/tấn trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt. Giá DAP bán lẻ giữ mức 306 USD/tấn.



Thị trường trong nước: Tuần qua, tại miền Bắc, giá các loại phân bón ở mức khá ổn định do nhu cầu ở mức thấp và lượng hàng tồn kho tại khu vực vẫn tương đối lớn. Đối với phân Ure: Trung Quốc hạt trong 5.600 – 5.650 đ/kg, hạt đục Cà Mau 6.500 – 6.550 đ/kg, Phú Mỹ 6.300 – 6.350 đ/kg, Hà Bắc 6.100 – 6.200 đ/kg, Ninh Bình 6.000 – 6.050 đ/kg, hạt trong Indonesia 5.300 – 5.350 đ/kg. Phân kali Israel 7.350 – 7.400 đ/kg, Kali Phú Mỹ 6.900 – 7.000 đ/kg, Kali Lào 5.700 – 5.750 đ/kg, Supe Lân Lâm Thao 2.600 – 2.650 đ/kg.

Tại khu vực miền Đông Nam Bộ, giá phân bón vẫn duy trì mức thấp. Tại Tiền Giang, phân Ure Phú Mỹ có giá 290.000 đ/bao, Ure Cà Mau có giá 280.000 đ/bao, NPK có giá dao động từ 470.000 - 480.000 đ/bao, Đầu Trâu từ 590.000 - 620.000 đ/bao...

PHÂN BÓN



Thời gian qua thị trường phân bón trong nước không có nhiều biến động, lượng hàng tiêu thụ ở mức thấp do các vùng đều chưa đến mùa vụ chăm bón chính. Do đó, trong 10 tháng qua sản lượng phân urê chỉ đạt gần 1,7 triệu tấn, giảm 10,3%; phân NPK đạt gần 1,9 triệu tấn, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Theo Bộ Công Thương, nhu cầu tiêu thụ phân bón trong nước mỗi năm khoảng 11 triệu tấn trong khi năng lực sản xuất trong nước về cơ bản đáp ứng được 80% nhu cầu về phân urê, lân, NPK. Thậm chí phân urê và NPK đang vượt cầu, một số doanh nghiệp đã và đang đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm này.

Không những vậy, từ ngày 5/10/2016 thuế nhập khẩu các loại mặt hàng phân bón theo Hiệp định thương mại Việt Nam – Liên minh kinh tế Á Âu giảm mạnh, nhu cầu nhập khẩu phân bón tại các khu vực có cảng biển tăng nhưng lượng hàng trong nước vẫn còn khá lớn nên không có biến động mạnh về giá.

HNN



TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EU (EVFTA) ĐẾN NGÀNH CHĂN NUÔI VIỆT NAM

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đang gần tới đích và sẽ sớm đi vào hiệu lực. Với FTA này, ngành chăn nuôi của Việt Nam dự kiến sẽ nhanh chóng được tiếp cận với các tiến bộ kỹ thuật mới và có nhiều triển vọng thu hút đầu tư. Tuy nhiên, đây cũng là ngành được dự báo sẽ chịu nhiều sức ép cạnh tranh lớn, đòi hỏi phải có sự đổi mới để phát triển.

Theo Hội thức ăn chăn nuôi, Việt Nam có tổng đàn bò khoảng 5,6 triệu con, trong đó bò thịt có khoảng 5,36 triệu con; tổng đàn gia cầm khoảng 328 triệu con, đàn lợn là gần 27 triệu con... Hiện Việt Nam là nước có nhiều ưu thế trong ngành chăn nuôi khi đứng thứ 2 thế giới về số lượng vịt, thứ 4 về lợn, thứ 6 về trâu và thứ 13 về tổng đàn bò. Riêng tại khu vực châu Á, Việt Nam chỉ xếp sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Tuy nhiên, ngành chăn nuôi Việt Nam hiện vẫn đang ở mặt bằng thấp. Cũng như các ngành sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, khi tham gia EVFTA, ngành chăn nuôi được tiếp cận nhanh với các tiến bộ kỹ thuật mới, khoa học công nghệ mới và cách tổ chức sản xuất tiên tiến từ các nước EU có nền chăn nuôi công nghiệp, hiện đại, tiên tiến. Lĩnh vực này cũng sẽ thu hút được các nhà đầu tư mới, phát triển chăn nuôi công nghệ cao với cùng phương thức sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững, hiệu quả và có thêm nhiều nhà đầu tư từ EU vào lĩnh vực chế biến, tạo sản phẩm cao cấp, giá trị gia tăng cao.

Tuy nhiên, thách thức rất gay gắt và gây áp lực ngay từ khi các FTA nói chung và EVFTA nói riêng có hiệu lực là khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi Việt Nam rất thấp. Hiện nay, giá thành sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam khá cao, hơn khoảng 25-30% so với các nước thuộc khối EU; chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm còn kém; việc xóa bỏ thuế quan sẽ tạo cơ hội để thịt lợn đông lạnh, các sản phẩm từ thịt, sữa... nhập vào Việt Nam.

Hơn thế nữa, Việt Nam có quá ít trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn, tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao vẫn còn thấp. Tổ chức sản xuất - tiêu thụ lại chưa theo chuỗi liên kết giá trị, việc xây dựng thương hiệu và công tác xúc tiến thương mại chưa được quan tâm. Doanh nghiệp trang trại chăn nuôi chưa chủ động tìm hiểu và hội nhập kinh tế.

Bên cạnh đó, do không có vùng an toàn dịch bệnh, các doanh nghiệp Việt rất khó khăn để xuất khẩu thịt vì an toàn dịch bệnh là một trong những đòi hỏi hàng đầu của các nước nhập khẩu thịt trên thế giới, trong đó nổi bật là những quy định về an toàn thú y. Thời gian qua có nhiều đối tác từ Nga đã cử phái đoàn đến Việt Nam để tìm kiếm nguồn cung thịt nhưng kết quả đã phải chuyển sang các quốc gia khác trong khu vực vì các trại chăn nuôi của Việt Nam không đảm bảo an toàn thú y.

Điều này tạo nên áp lực buộc ngành chăn nuôi phải kiên quyết tổ chức lại sản xuất, đẩy nhanh tái cơ cấu ngành theo hướng phát triển bền vững và gia tăng giá trị. Ngành chăn nuôi cũng cần đổi mới tư duy, tiếp cận tư duy của hội nhập và chấp nhận cạnh tranh, tư duy sản xuất theo chuỗi, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.



Ngành chăn nuôi cần tận dụng trước mọi lợi thế do các cam kết xóa bỏ thuế quan đối với các sản phẩm, công nghệ mà Việt Nam đang nhập khẩu từ các nước EU, như con giống lợn, gà, vịt, bò sữa; một số nguyên liệu và thức ăn bổ sung, nhiều loại vắc-xin và thuốc thú y; các trang thiết bị chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, ấp trứng, máy móc, dây chuyền sản xuất thuốc thú y, chế biến thức ăn, giết mổ và chế biến thịt, sữa... để góp phần tiếp cận công nghệ cao và giảm chi phí đầu vào. Về lâu dài, hợp tác với EU trong lĩnh vực chế biến sẽ tạo cơ hội để ngành chăn nuôi có thể xuất khẩu một số sản phẩm chăn nuôi có lợi thế (như thịt lợn và sản phẩm chế biến từ thịt, sữa) vào các thị trường có giá trị gia tăng cao hơn.

Khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam sẽ mở cửa thị trường cho hầu hết thực phẩm từ EU, nhưng trong đó các sản phẩm chăn nuôi đều có lộ trình loại bỏ thuế khá dài, như thịt lợn đông lạnh sau 7 năm, thịt bò sau 3 năm, sản phẩm sữa sau 5 năm và thịt gà sau 10 năm. Đây được coi như thời gian “vàng” để ngành chăn nuôi thực hiện tái cơ cấu và tổ chức lại sản xuất để giảm giá thành và nâng cao chất lượng.

Bên cạnh các giải pháp về kỹ thuật, như chọn giống vật nuôi, quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, không sử dụng chất cấm và lạm dụng chất kháng sinh, xây dựng các hàng rào kỹ thuật, còn một số giải pháp liên quan đến tổ chức sản xuất. Theo đó, cần đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu ngành chăn nuôi ở các địa phương theo hướng phát triển các sản phẩm có lợi thế từng vùng, tập trung nâng cao năng suất, hạ giá thành và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phát triển bền vững.



Một điều đáng lưu ý là việc tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi, có nghĩa là các doanh nghiệp lớn giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt các doanh nghiệp nhỏ, các trang trại và các hợp tác xã, nông hộ chăn nuôi. Chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi trang trại phải nâng dần quy mô và chịu sự kiểm soát an toàn dịch bệnh, phải tham gia vào các hợp tác xã chăn nuôi, các chuỗi liên kết giá trị. Sản xuất theo hướng này sẽ góp phần giảm 12-15% giá thành sản xuất và đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và dễ tiếp cận thị trường xuất khẩu sản phẩm có lợi thế.

Bên cạnh đó cũng cần quan tâm đến giải pháp liên quan tới cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý từ trung ương tới địa phương, cùng với nhanh chóng đổi mới tư duy và hành động của doanh nghiệp, trang trại và hộ chăn nuôi. Đặc biệt, ngành chăn nuôi rất cần các cơ chế chính sách có tính chất đặc thù trong giai đoạn 10 năm trước mắt, như cần có cơ chế tín dụng hợp lý, lãi suất vay ưu đãi, cơ chế tiếp cận vốn vay thuận lợi, miễn giảm thuế thu nhập trong thời gian đầu của hội nhập....

HNN

Tài liệu tham khảo:

- Báo Công Thương;
- Kinhtenongthon.vn;
- Tintucnongnghiep.com;
- Vinanet.com.vn;
- Tổng Cục Hải quan;
- Báo Điện tử Chính phủ.

THAY ĐỔI MẪU CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VÀO EU

Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) vừa chính thức phát đi hướng dẫn mẫu chứng thư mới cho các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào EU.

Theo Nafiqad, ngày 28/4, Cơ quan thẩm quyền EU đã ban hành quy định số 2016/759 liên quan tới việc nhập khẩu một số sản phẩm trong đó có đùi ếch, ốc, gelatine, collagen, glucosamine, nội dung chủ yếu thay thế các chứng thư tương ứng đã được ban hành kèm theo quy định số 2074/2005 ngày 5/12/2005 và các văn bản sửa đổi, có thời gian chuyển tiếp đến hết ngày 2/12/2016.

Các nội dung chính thay đổi trong các mẫu chứng thư mới bao gồm: Bỏ thông tin mã bưu điện (Postal code) tại mục Chủ hàng (Consignor); thay đổi cách thể hiện thông tin liên quan tới phương pháp chế biến là tươi (fresh) và đã được xử lý (treated) thay cho các phương pháp nêu trên chứng thư trước đây là ướp đá (chilled), đông lạnh (frozen) và chế biến (processed).

Cụ thể, về việc xuất khẩu Glucosamine dùng làm thực phẩm vào thị trường EU: Các cơ sở chế biến Glucosamine từ thủy sản để xuất khẩu vào thị trường EU phải áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP theo quy định EU số 852/2004 và tuân thủ đầy đủ các quy định về vệ sinh tại phụ lục II quy định EU số 852/2004 và quy định tại Phần XVI, phụ lục 3 quy định EU số 853/2004 (Phần XVI, phụ lục 3 được bổ sung bởi quy định EU số 2016/355 ngày 11/3/2016) như đối với thủy sản chung. Các cơ sở chế biến Glucosamine từ thủy sản xuất khẩu vào EU không cần lập danh sách riêng mà chỉ cần có tên trong danh sách thủy sản chung.

Đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen: Ngày 7/12/2015, Nafiqad đã lập danh sách các cơ sở chế biến xuất khẩu thủy sản vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen đồng thời đề nghị Cơ quan thẩm quyền EU đưa các doanh nghiệp này vào danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường này để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen tại văn bản 3035/QLCL-CL1 ngày 7/12/2015 và văn bản số 1356/QLCL-CL1 ngày 1/7/2016.

Tuy nhiên ngày 16/9/2016, Cơ quan thẩm quyền EU đã có thông báo: Những cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU để làm nguyên liệu chế biến Gelatine/Collagen chỉ cần có tên trong danh sách thủy sản chung mà không cần phải lập thành danh sách riêng.

Đối với sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản: Các cơ sở chế biến Gelatine/Collagen từ nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU phải có tên trong danh sách riêng về các cơ sở được phép xuất khẩu sản phẩm này vào EU do Cơ quan thẩm quyền EU phê duyệt và công bố trên trang tin điện tử của EU.

Ngoài ra, các cơ sở chế biến Gelatine/Collagen từ nguyên liệu thủy sản phải áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP theo quy định EU số 852/2004 và đáp ứng các quy định tại phụ lục III, Chương I, Chương II, Chương III và Chương IV Phần XIV, Phần XV Quy định EU số 853/2004.

Để thực hiện các yêu cầu tại quy định số 2016/759 của Cơ quan thẩm quyền EU, tránh các vướng mắc trong quá trình xuất khẩu thủy sản vào thị trường này, Nafiqad yêu cầu các cơ sở chế biến đùi ếch, ốc, glucosamine và nguyên liệu để sản xuất Gelatine/Collagen: Cập nhật các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với sản phẩm tương ứng để tuân thủ đúng khi xuất khẩu sản phẩm vào thị trường EU.

Nghiên cứu kỹ các mẫu chứng thư mới và cung cấp đầy đủ các thông tin về lô hàng khi đăng ký kiểm tra, chứng nhận xuất khẩu vào thị trường EU; chủ động liên hệ với nhà nhập khẩu EU để cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục có liên quan khi xuất khẩu các sản phẩm nêu trên có nguồn gốc từ thủy sản vào thị trường này.

Đối với các cơ sở chế biến sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản có nhu cầu xuất khẩu vào EU, yêu cầu đặt ra là nghiên cứu kỹ các quy định của EU liên quan tới việc sản xuất xuất khẩu sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản vào thị trường này; thực hiện đăng ký để được kiểm tra, chứng nhận điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản theo quy định tại Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen (TS 803) đã được Nafiqad kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong chế biến sản phẩm Gelatine/Collagen từ thủy sản vào ngày 1/2/2016, Nafiqad đã có văn bản gửi Cơ quan thẩm quyền EU đề nghị đưa doanh nghiệp vào danh sách được phép xuất khẩu sản phẩm Gelatine/Collagen vào thị trường này và sẽ có văn bản thông báo cho doanh nghiệp khi nhận được trả lời từ EU.

Nguồn: VASEP

BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI

CÀ PHÊ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Trong nước										
Cà phê nhân xô vôi	Đắc Lắc - TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	45000	44900	44500	44700	44700	45100	45200	43200
Cà phê nhân xô vôi	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	44500	44500	44000	44100	44100	44700	44800	42800
Thế giới										
Cà phê Robusta (11/16)	London - Anh	USD /tấn	2229	2206	2214	2223	2245	2251	2142	2190
cà phê Arabica (12/16)	Mỹ	Uscent /lb	164,15	161,45	162,9	165,65	171,35	174,35	167,5	170,1

CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Trong nước										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000	95000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000
Gà trống ta hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Lợn hơi	Vĩnh Long - Chợ Vũng Liêm	đ/kg	41500		41500		41500	41500		41500
Lợn hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	39000	39000	39000	39000	39000	39000	39000	39000
Thế giới										
Lợn hơi (12/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	47,95	46,45	47,825	47	46,15	47,1	46,975	46,55

CAO SU									
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY						
			31/10	1/11	2/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Trong nước									
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước-Phước Long	đ/kg	9120		9280	9280	9280		9280
Thế giới									
cao su RSS3 (10/16)	TOCOM-Nhật Bản	Yên/kg	180,3	180,5	178,3	178,2	181,9	184,3	181,9
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg	62,25			61,3	0	63,3	63,3
SIR20 BELAWAN NN (12/16)	Indonesia	Uscent /kg	167,5			166	167,5	170	174

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Trong nước										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800			9800	9800	9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14800		14800			14800	14800	14800
Thế giới										
Ngô (12/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	354,75	349	346,25	348	348,75	346,25	354,25	340,75
Đậu tương (11/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	1002,3	984,25	976,75	979,75	981,5	989,25	1001,8	982

ĐƯỜNG										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	7/11	8/11	9/11	
Đường trắng (12/16)	London -Anh	USD /tấn	579,4	567,2	574	568,2	580,7	576,1	582,3	

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	100000		100000	100000			100000	100000
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	180000		180000	180000			180000	180000
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000		130000	130000			130000	130000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000		13000	13000			13000	13000
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000		8000	8000			8000	8000
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000	7000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	3500	3500	3500	3500	3500	3500	3500	3500
Thế giới										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg							3,88	

GỖ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Gỗ xẻ (11/16)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	298,2	299	296,1	299,4	299,9	299,3	297,6	302,9

THỦY SẢN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	300000		300000		300000	300000		300000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hưng Yên-Yên Mỹ	đ/kg	350000		350000		350000	350000		350000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	23000		22500		22500	22500		22500
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	300000		300000		300000	300000		300000
Cá tra	An Giang	đ/kg	20500	20500	20500	20500	20500	20500	20500	21000
Tôm càng xanh	An Giang	đ/kg	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000	190000

QUẢ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	đ/kg	42000	42000	42000	40000	40000	40000	40000	40000
Xoài Cát Chu	Tiền Giang	đ/kg	16000	16000	15000	15000	15000	16000	16000	16000
Dưa hấu loại 1	Tiền Giang	đ/kg	8000	8000	8000	8500	8000	8500	8000	8000
Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	đ/kg	32000	35000	36000	38000	38000	40000	38000	36000
Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	đ/kg	18000	20000	20000	20000	20000	20000	18000	15000
Chôm chôm Java	Tiền Giang	đ/kg	11000	11000	12000	12000	12000	12000	12000	13000
Chôm chôm nhãn	Tiền Giang	đ/kg	16000	16000	17000	17000	17000	17000	17000	18000
Chôm chôm Rong-Riêng	Tiền Giang	đ/kg	21000	21000	22000	22000	22000	22000	22000	23000
Sầu riêng monthong loại 1	Tiền Giang	đ/kg	44000	44000	44000	44000	42000	42000	42000	42000
Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	đ/kg	42000	42000	42000	42000	40000	40000	40000	40000

RAU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Bắp cải trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	9000
Bắp cải tím loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	20000	20000	20000	20000	20000	20000	20000	20000
Hành tây loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000
Cà chua thường loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Hoa lơ trắng loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	15000	15000	15000	15000	15000	15000	15000	12000
Hoa lơ xanh loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	24000	24000	24000	24000	24000	24000	24000	20000
Cà rốt loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Đậu Hà lan (trái non)	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	70000
Đậu cove	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Khoai tây ta loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	30000	30000	30000	30000	30000	30000	30000	26000
Cải thảo loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	12000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	9000
Củ dền loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000
Cải bó xôi loại 1	TP Đà Lạt-Lâm Đồng	đ/kg	30000	25000	25000	25000	25000	25000	25000	25000

HẠT ĐIỀU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Hạt điều khô mua xô	Đắc Lắc	đ/kg	44000	44000	44000	44000	44000	44000	44000	44000

HẠT TIÊU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	7/11	8/11	9/11
Hạt tiêu đen	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	145000	143000	141000	140000	140000	140000	140000	140000